

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA môn **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

LỚP

5



DANH MỤC VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CNTT:	Công nghệ thông tin
CTGDPT:	Chương trình giáo dục phổ thông
ĐGĐK:	Đánh giá định kì
ĐGTX:	Đánh giá thường xuyên
PPDH:	Phương pháp dạy học
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GQVĐ:	Giải quyết vấn đề
GV:	Giáo viên
HTTCDH:	Hình thức tổ chức dạy học
HS:	Học sinh
NXBGDVN:	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
SGK:	Sách giáo khoa
SGV:	Sách giáo viên



MỤC LỤC

Trang

1. TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	4
1.1. Đặc điểm môn học.....	4
1.2. Quan điểm xây dựng Chương trình.....	4
1.3. Mục tiêu Chương trình	5
1.4. Yêu cầu cần đạt	5
1.5. Nội dung giáo dục.....	6
1.6. Phương pháp giáo dục	13
1.7. Đánh giá kết quả giáo dục	14
1.8. Thiết bị dạy học	15
2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5	16
2.1. Giới thiệu chung	16
2.2. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	22
2.3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phát triển phẩm chất, năng lực trong môn Lịch sử và Địa lí.....	38
2.4. Giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học	45
3. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5	51
3.1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy (giáo án).....	51
3.2. Bài soạn minh hoạ	53

1 TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

1.1. Đặc điểm môn học

Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học là môn học bắt buộc, được tổ chức dạy và học ở lớp 4 và lớp 5. Môn học được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển từ môn Tự nhiên và Xã hội các lớp 1, 2, 3 và là cơ sở để học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Trung học cơ sở, đồng thời góp phần đặt nền móng ban đầu cho việc giáo dục về khoa học xã hội ở các cấp học trên. Môn học góp phần hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được xác định trong Chương trình tổng thể.

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học gồm các mạch kiến thức và kĩ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới. Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí còn liên quan trực tiếp với nhiều môn học và các hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm,...

1.2. Quan điểm xây dựng Chương trình

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học tuân thủ các quy định nêu trong Chương trình tổng thể, đồng thời xuất phát từ đặc điểm môn học, nhấn mạnh một số quan điểm sau:

– Chương trình môn Lịch sử và Địa lí tích hợp nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số nội dung văn hoá, xã hội trong các kết nối về không gian và thời gian; tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, giáo dục giá trị nhân văn; gắn lí thuyết với thực hành, gắn nội dung giáo dục với thực tiễn nhằm hình thành, phát triển ở HS năng lực đặc thù của môn học và các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung được quy định trong Chương trình tổng thể. Chương trình kết nối với các môn học và hoạt động giáo dục khác như: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm,... giúp HS vận dụng tích hợp kiến thức, kĩ năng của nhiều môn học và hoạt động giáo dục để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống, phù hợp với lứa tuổi.

– Trên cơ sở kế thừa, phát huy ưu điểm của môn Lịch sử và Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và tiếp thu kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới, chương trình môn Lịch sử và Địa lí chọn lọc những kiến thức cơ bản và sơ giản về tự nhiên, dân cư, một số hoạt động kinh tế, lịch sử, văn hoá của các vùng miền, đất nước Việt Nam và thế giới; các sự kiện, nhân vật lịch sử phản ánh những dấu mốc lớn của quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Nội dung môn học vừa bảo đảm tính khoa học, vừa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của HS.

– Chương trình được thiết kế theo phạm vi mở rộng dần về không gian địa lí và không gian xã hội, từ địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam đến địa lí, lịch sử của các nước láng giềng, khu vực và thế giới.

– Chương trình lựa chọn những nội dung thiết thực đối với việc hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của HS thông qua phương pháp tổ chức các hoạt động học tập tích cực như: tìm hiểu các vấn đề lịch sử và địa lí, luyện tập và thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống),...

– Chương trình được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để có thể điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của các địa phương; phù hợp với khả năng của GV, với các nhóm đối tượng HS khác nhau và thực tiễn dạy học ở nhà trường, song vẫn bảo đảm trình độ chung của giáo dục phổ thông trên cả nước, tiếp cận dần với trình độ khu vực và thế giới.

1.3. Mục tiêu Chương trình

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử và địa lí với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; đồng thời góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học giúp HS khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc, từ đó góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

1.4. Yêu cầu cần đạt

1.4.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

1.4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và địa lí, biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Biểu hiện của các thành phần năng lực này được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
NHẬN THỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	– Kể, nêu, nhận biết được các hiện tượng địa lí, sự kiện lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian; một số giá trị truyền thống kết nối con người Việt Nam; một số nền văn minh; một số vấn đề khó khăn mà nhân loại đang phải đối mặt. – Trình bày, mô tả được một số nét chính về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước, thế giới. – Nêu được cách thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
TÌM HIỂU LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	– Biết quan sát, tra cứu tài liệu để tìm thông tin hoặc thực hiện điều tra ở mức độ đơn giản để tìm hiểu về các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí; biết đọc lược đồ, biểu đồ, bản đồ tự nhiên, dân cư,... ở mức đơn giản. – Từ những nguồn tư liệu, số liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ,... nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử và các đối tượng, hiện tượng địa lí. – Trình bày được ý kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... – So sánh, nhận xét, phân biệt được sự đa dạng về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá ở một số vùng miền; nhận xét được tác động của thiên nhiên đến hoạt động sản xuất của con người và tác động của con người đến tự nhiên.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	– Xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ; sử dụng được đường thời gian để biểu diễn tiến trình phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử. – Sử dụng được biểu đồ, số liệu,... để nhận xét về một số sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí.

1.5. Nội dung giáo dục

1.5.1. Nội dung khái quát

1.5.1.1. Các mạch nội dung

Mạch nội dung		Lớp 4	Lớp 5
Mở đầu	Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	X	
Địa phương và các vùng miền của Việt Nam	Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	X	
	Trung du và miền núi Bắc Bộ	X	
	Đồng bằng Bắc Bộ	X	

	Duyên hải miền Trung	X	
	Tây Nguyên	X	
	Nam Bộ	X	
Việt Nam	Đất nước và con người Việt Nam		X
	Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam		X
	Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam		X
Thế giới	Các nước láng giềng		X
	Tìm hiểu thế giới		X
	Chung tay xây dựng thế giới		X

1.5.1.2. Các chủ đề

Mạch nội dung	Chủ đề
Lớp 4	
Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	Giới thiệu các phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí Cách sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí
Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Thiên nhiên và con người địa phương Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương
Trung du và miền núi Bắc Bộ	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương
Đồng bằng Bắc Bộ	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Sông Hồng và văn minh sông Hồng Thăng Long – Hà Nội Văn Miếu – Quốc Tử Giám
Duyên hải miền Trung	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Cố đô Huế
Tây Nguyên	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên
Nam Bộ	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh Địa đạo Củ Chi

Lớp 5	
Đất nước và con người Việt Nam	Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca Thiên nhiên Việt Nam Biển, đảo Việt Nam Dân cư và dân tộc ở Việt Nam
Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam	Văn Lang, Âu Lạc Phù Nam Chăm-pa
Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam	Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê Triều Nguyễn Cách mạng tháng Tám năm 1945 Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 Đất nước Đổi mới
Các nước láng giềng	Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào Vương quốc Cam-pu-chia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)
Tìm hiểu thế giới	Các châu lục và đại dương trên thế giới Dân số và các chủng tộc trên thế giới Một số nền văn minh nổi tiếng thế giới
Chung tay xây dựng thế giới	Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp Xây dựng thế giới hoà bình

1.5.2. Nội dung chương trình Lịch sử và Địa lí 5

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	
Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca	– Xác định được vị trí địa lí, của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ. – Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất. – Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam. – Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam. – Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

Thiên nhiên Việt Nam	– Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...). – Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính. – Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế. – Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống. – Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
Biển, đảo Việt Nam	– Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ. – Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa,...). – Suy tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.
Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	– Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á. – Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu. – Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. – Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.
NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM	
Văn Lang, Âu Lạc	– Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học. – Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần;...</i>); mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
Phù Nam	– Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học. – Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.
Chăm-pa	– Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay. – Suy tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa. – Tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	– Kể được tên và vẽ được đường thời gian thể hiện một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...). – Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...
Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	– Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý. – Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử, như: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,... – Đọc và nêu nhận xét về nội dung và ý nghĩa của <i>Chiếu dời đô</i>.
Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên	– Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) quan đến Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên. – Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...). – Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).
Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê	– Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê. – Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích,...). – Kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về ải Chi Lăng, về Liễu Thăng,...). – Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên,...).
Triều Nguyễn	– Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Nguyễn. – Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Gia Long, vua Minh Mệnh, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...).
Cách mạng tháng Tám năm 1945	– Sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>; chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.

Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	– Kể lại được diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh và các câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri,...). – Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (ví dụ: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn, Trần Can,...).
Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	– Kể lại được diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, có sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...). – Kể lại được một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.
Đất nước Đổi mới	– Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, hiện vật,...) và mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam. – Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về thời bao cấp ở Việt Nam. – Nêu được một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước Việt Nam trong thời kì Đổi mới, có sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...).
CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG	
Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	– Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ. – Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Trung Quốc. – Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc: Vạn Lý Trường Thành và Cố cung Bắc Kinh,... – Sưu tầm và kể lại một số câu chuyện về Vạn Lý Trường Thành, Kiến trúc sư Nguyễn An và Cố cung Bắc Kinh,...
Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	– Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ. – Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào. – Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luồng, Cánh đồng Chum, Cổ đô Luông Pha-băng,...
Vương quốc Cam-pu-chia	– Xác định được vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ. – Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia. – Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...
Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	– Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ. – Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). – Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

TÌM HIỂU THẾ GIỚI

Các châu lục và đại dương trên thế giới

- Xác định được vị trí địa lí, của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả địa cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.

Dân số và các chủng tộc trên thế giới

- Sử dụng bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

Ai Cập

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp, Pha-ra-ông,...

Hy Lạp

- Xác định được vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc,... của văn minh Hy Lạp.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc, về các vị thần của Hy Lạp.

CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI

Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.
- Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.
- Thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,...

Xây dựng thế giới hoà bình	– Sử dụng một số tư liệu (tranh ảnh, một số câu chuyện về Liên hợp quốc, truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô liu, phong trào Chữ thập đỏ, Thế vận hội Ô-lim-píc,...), trình bày được mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng một thế giới hoà bình. – Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình. – Thể hiện được một thế giới trong tương lai qua hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...
----------------------------	--

1.6. Phương pháp giáo dục

1.6.1. Định hướng chung

Phương pháp giáo dục môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học được thực hiện theo các định hướng chung sau:

- Đề cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; tập trung rèn luyện năng lực tự học, bồi dưỡng phương pháp học tập để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân; rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể. Kết hợp các PPDH truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) với PPDH tích cực (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Chú trọng các PPDH có tính đặc trưng cho môn học.

- Sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học trong đó chú trọng các loại hình: mô hình hiện vật, tranh ảnh lịch sử, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...; bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,...; phim video; các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; phần mềm dạy học,...

1.6.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, GV giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu như: yêu quý thiên nhiên, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái xung quanh, yêu quý cộng đồng, yêu quê hương, quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc Việt Nam, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc trên thế giới.

- GV tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động học tập nhằm góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung đã được xác định trong Chương trình tổng thể, cụ thể:

- + Đối với năng lực tự chủ và tự học: Khuyến khích và tạo điều kiện cho HS tự mình thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi học tập, tham quan; biết đặt ra các câu hỏi đơn giản, tự tìm kiếm và phân tích nguồn thông tin, trả lời câu hỏi về lịch sử và địa lí.

+ Đối với năng lực giao tiếp và hợp tác: Khuyến khích và hướng dẫn HS diễn đạt rõ ràng ý kiến của mình, tự tin khi đưa ra ý kiến, trao đổi, thảo luận khi có các quan điểm khác nhau; làm việc theo nhóm, chia sẻ suy nghĩ, lắng nghe ý kiến của người khác, cùng nhau xây dựng ý tưởng trong quá trình học tập các vấn đề về lịch sử và địa lí.

+ Đối với năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khuyến khích và hướng dẫn HS phát hiện một số vấn đề trong cuộc sống xung quanh, đặt câu hỏi, tìm thông tin, thực hiện các thao tác phân tích, tổng hợp, giải thích, so sánh,... trong giải quyết vấn đề; đưa ra ý kiến, nhận xét, bình luận theo các cách khác nhau về các vấn đề địa lí và lịch sử trong cuộc sống xung quanh.

1.6.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học chú trọng tổ chức các hoạt động dạy học để giúp HS tự tìm hiểu, tự khám phá; chú trọng rèn luyện cho HS biết cách sử dụng SGK và các tài liệu học tập, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới; tăng cường phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, làm dự án nghiên cứu; đa dạng hoá các hình thức tổ chức học tập, kết hợp việc học trên lớp với các hoạt động xã hội; tổ chức, hướng dẫn và tạo cơ hội cho HS thực hành, trải nghiệm, tiếp xúc với thực tiễn để tìm kiếm, thu thập thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề.

Trong dạy học lịch sử, chú trọng lối kể chuyện, dẫn chuyện. GV giúp HS làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới thông qua việc kết hợp giữa kiến thức lịch sử cơ bản và các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để HS bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian; đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử;... Đối với địa lí, dạy học gắn liền với việc khai thác kiến thức từ các nguồn tư liệu lược đồ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu; chú trọng dạy học khám phá, quan sát thực địa; tăng cường sử dụng các PPDH phát huy tính tích cực, chủ động của HS như: thảo luận, đóng vai, làm dự án nghiên cứu,... nhằm khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HS đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, từ đó hình thành năng lực tự học và khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

Tùy theo điều kiện cụ thể ở địa phương, GV tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp học và ngoài khuôn viên nhà trường như gặp gỡ các cá nhân, tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động xã hội; tham quan các cảnh quan, di tích lịch sử – văn hoá, triển lãm, bảo tàng;...

1.7. Đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá kết quả giáo dục môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học phải bảo đảm các yêu cầu sau:

– Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn hoạt động học và điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động quản lí.

– Phương châm đánh giá là khuyến khích được sự say mê học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề có liên quan đến môn học, giúp HS tự tin, chủ động sáng tạo và chăm chỉ học tập, rèn luyện.

– Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học; chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong những tình huống cụ thể.

– Bên cạnh đánh giá kiến thức, kĩ năng, cần tăng cường và áp dụng biện pháp thích hợp để đánh giá thái độ của HS trong học tập; chú trọng xem xét sự hiểu biết của HS về lịch sử, địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước; hiểu biết bước đầu về thế giới và khả năng vận dụng những kiến thức lịch sử, địa lí để tìm hiểu môi trường xung quanh, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

– Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; giữa đánh giá định tính và định lượng; giữa đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của cha mẹ HS và đánh giá của cộng đồng.

– Sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau: đánh giá thông qua bài viết (bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài thu hoạch tham quan, báo cáo kết quả sưu tầm,...); đánh giá thông qua vấn đáp, thuyết trình; đánh giá thông qua quan sát (quan sát việc HS sử dụng các công cụ học tập, thực hiện các bài thực hành, thảo luận nhóm, học ngoài thực địa, tham quan, khảo sát địa phương,... bằng cách sử dụng bảng quan sát, bảng kiểm, hồ sơ học tập,...).

1.8. Thiết bị dạy học

Bộ thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí bao gồm:

– Mô hình hiện vật, tranh ảnh lịch sử, địa lí, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...;

– Bản đồ, lược đồ;

– Sơ đồ, các bảng thống kê,...;

– Phim video;

– Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu;

– Các mẫu vật về tự nhiên;

– Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên; một số dụng cụ thực hành;

– Phần mềm dạy học (nghiên cứu và từng bước sử dụng rộng rãi).

Thiết bị dạy học môn Lịch sử và Địa lí là các nguồn tư liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục, không chỉ nhằm minh hoạ bài giảng của GV mà còn hỗ trợ GV tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử, địa lí của HS một cách tích cực, sáng tạo. GV tạo điều kiện cho HS làm việc trực tiếp với các thiết bị dạy học theo phương châm: Hãy để cho HS tiếp xúc nhiều hơn với các thiết bị, suy nghĩ nhiều hơn, làm việc nhiều hơn và trình bày ý kiến của mình nhiều hơn.

2 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

2.1. Giới thiệu chung

2.1.1. Quan điểm biên soạn sách

– *Bảo đảm tính khoa học, đồng thời đảm bảo tính vừa sức với HS*

Nội dung biên soạn phải đảm bảo tính khoa học, tính chính xác của khoa học Lịch sử, Địa lí, bám sát nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học nói chung và Chương trình Lịch sử và Địa lí lớp 5 nói riêng, được Bộ GD&ĐT ban hành năm 2018. Tuy vậy, những kiến thức cung cấp cho HS lớp 5 được lựa chọn phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của HS. Có những nội dung chỉ đưa ra cho HS chấp nhận mà không giải thích, chứng minh.

– *Hướng vào việc hình thành các năng lực chung và năng lực đặc thù của Lịch sử và Địa lí cho HS*

+ Một số năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Một số năng lực đặc thù của Lịch sử: Tìm hiểu lịch sử; nhận thức khoa học lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế.

+ Một số năng lực đặc thù của Địa lí: Nhận thức khoa học địa lí; tìm hiểu địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế.

– *Hướng đến việc phát triển năm phẩm chất cho HS*

Môn Lịch sử và Địa lí lớp 5 giúp HS khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc, từ đó góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– *Tăng tính thực tiễn*

Tăng cường gắn nội dung môn học với thực tiễn, nhằm rèn luyện cho HS năng lực vận dụng tri thức lịch sử – địa lí vào thực tiễn để hiểu sâu hơn kiến thức đã học và giải quyết một số vấn đề của thực tiễn ở mức độ đơn giản.

– *Chú trọng đổi mới phương pháp dạy của GV và phương pháp học của HS*

SGK được biên soạn theo hướng tạo điều kiện để GV tổ chức các hoạt động học tập của HS. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức, SGK cũng chú trọng đến cách thức làm việc để HS có thể tự khám phá, lĩnh hội kiến thức.

2.1.2. Giới thiệu cấu trúc sách, cấu trúc bài học

2.1.2.1. Cấu trúc sách và kế hoạch dạy học

SGK *Lịch sử và Địa lí 5* được biên soạn theo CTGDPT năm 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành, bao gồm 6 chủ đề với 29 bài học. Trong đó, chủ đề 1 tìm hiểu về đất nước và con người Việt Nam; chủ đề 2 và 3 tìm hiểu về quá trình dựng nước, xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam; chủ đề 4, 5 và 6 tìm hiểu về thế giới. Trong mỗi chủ đề có 3 – 11 bài học, tùy theo nội dung của yêu cầu cần đạt trong chương trình mà mỗi bài học có thể từ 2 – 5 tiết. Nội dung lí thuyết và thực hành được thiết kế lồng ghép, các nội dung thực hành được tích hợp trong các bài học.

Cuối sách có phần giải thích khái niệm, thuật ngữ giúp HS và GV có thể tìm hiểu, tra cứu thêm về các khái niệm, thuật ngữ được sử dụng trong sách. Nội dung SGK *Lịch sử và Địa lí 5* cụ thể như sau:

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT
1	Chủ đề 1. Đất nước và con người Việt Nam	11
	Bài 1. Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính. Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca	2
	Bài 2. Thiên nhiên Việt Nam	4
	Bài 3. Biển, đảo Việt Nam	2
	Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	3
2	Chủ đề 2. Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam	6
	Bài 5. Văn Lang, Âu Lạc	3
	Bài 6. Vương quốc Phù Nam	1
	Bài 7. Vương quốc Chăm-pa	2
3	Chủ đề 3. Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam	25
	Bài 8. Công cuộc đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	2
	Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	3
	Bài 10. Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược	4
	Bài 11. Ôn tập	2
	Bài 12. Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê	3
	Bài 13. Vương Triều Nguyễn	3
	Bài 14. Cách mạng tháng Tám năm 1945	2
	Bài 15. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	2
	Bài 16. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	2
	Bài 17. Đất nước Đổi mới	2

	Chủ đề 4. Các nước láng giềng	8
4	Bài 18. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	2
	Bài 19. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	2
	Bài 20. Vương quốc Cam-pu-chia	2
	Bài 21. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2
	Chủ đề 5. Tìm hiểu thế giới	11
5	Bài 22. Các châu lục và đại dương trên thế giới	5
	Bài 23. Dân số và các chủng tộc trên thế giới	2
	Bài 24. Văn minh Ai Cập cổ đại	2
	Bài 25. Văn minh Hy Lạp cổ đại	2
	Chủ đề 6. Chung tay xây dựng thế giới	7
6	Bài 26. Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp	2
	Bài 27. Xây dựng thế giới hoà bình	2
	Bài 28. Ôn tập	3
7	Kiểm tra	2
Tổng số tiết		70

2.1.2.2. Cấu trúc bài học

Mỗi bài học có cấu trúc gồm bốn phần: khởi động, khám phá, luyện tập và vận dụng; tuân thủ theo hướng dẫn cấu trúc bài học ở Thông tư 33.

– *Khởi động*: Phần khởi động thường đặt ra các câu hỏi, các vấn đề có liên quan đến nội dung bài học. Mục đích của hoạt động này là định hướng hoạt động nhận thức, khơi gợi hứng thú của HS. Đồng thời, tạo điều kiện để HS chia sẻ những hiểu biết, kinh nghiệm đã có về những vấn đề được nêu ra trong bài học. Từ đó, GV kết nối những điều HS đã biết với kiến thức mới.

– *Khám phá*: Phần khám phá nhằm tạo điều kiện cho HS khám phá kiến thức mới, nội dung của chương trình được thể hiện một cách đồng bộ trên cả kênh chữ và kênh hình.

Kênh hình trong SGK (bản đồ, hình ảnh, hình vẽ,...) là một phần không thể thiếu của nội dung bài học, giúp hình thành và phát triển ở HS khả năng quan sát, tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ. HS quan sát hình ảnh và sử dụng vốn kiến thức sẵn có để phục vụ bài học, tạo hứng thú hơn trong học tập.

Trong phần khám phá, ở mỗi mục đều có các câu hỏi gợi ý để GV hướng dẫn HS khai thác, lĩnh hội kiến thức. Đồng thời, cũng tạo điều kiện để HS có thể tự tiếp cận, khai thác kiến thức qua việc trả lời các câu hỏi đó.

– *Vận dụng*: Phần này giúp HS vận dụng kiến thức đã học, kĩ năng đã hình thành vào tình huống mới trong học tập, vào thực tiễn để hiểu sâu sắc hơn nội dung đã học hoặc để giải quyết một số vấn đề thường gặp trong cuộc sống ở mức độ đơn giản.

dưới ánh nắng mặt trời, thời gian được xác định dựa trên sự thay đổi về hướng và chiều dài của bóng cột: bóng đổ ngắn là thời gian gần trưa, bóng đổ dài là thời gian chiều.

Việc phát minh ra đồng hồ giúp người Ai Cập cổ đại theo dõi thời gian một cách dễ dàng hơn.

2. Chuyện kể về kim tự tháp và pha-ra-ông



Đọc thông tin, em hãy:

- Kể lại câu chuyện về kim tự tháp và Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát (Cleopatra).
- Chia sẻ với bạn cảm nghĩ của em về một trong hai câu chuyện đó.



Câu chuyện
Lịch sử

XÂY DỰNG KIM TỰ THÁP KÊ-ÔP

Vào thời cổ đại, người Ai Cập xây dựng nhiều kim tự tháp, trong đó lớn nhất là kim tự tháp Kê-ôp. Đây là công trình được xây dựng làm lăng mộ cho pha-ra-ông Kê-ôp. Để xây dựng xong kim tự tháp này, người ta đã phải huy động đến hàng trăm nghìn người làm việc liên tục trong khoảng 20 năm.

Với chiều cao 147 m, kim tự tháp được dựng lên từ 2,3 triệu tảng đá, mỗi tảng nặng từ 2,5 tấn đến 4 tấn. Đá được vận chuyển từ những địa điểm cách xa hàng trăm ki-lô-mét. Các tảng đá được ghè dẽo theo kích thước định sẵn, mài nhẵn, xếp chồng khít lên nhau hàng trăm tầng mà không sử dụng bất cứ chất kết dính nào.

Sự vĩ đại của kim tự tháp thể hiện sức sáng tạo của người Ai Cập. Cho đến nay, những bí ẩn của các kim tự tháp nói chung và kim tự tháp Kê-ôp nói riêng vẫn đang thách thức năng lực và trí tuệ của con người.

(Theo Đặng Đức An (Chú Jiễn), *Những mẩu chuyện lịch sử thế giới*, Sđd)



▲ Hình 3. Kim tự tháp Kê-ôp



Câu chuyện
Lịch sử

NỮ HOÀNG CỜ-LÊ-Ô-PÁT

Ở đất nước Ai Cập cổ đại có một vị nữ hoàng nổi tiếng thông minh, xinh đẹp tên là Cờ-lê-ô-pát. Bà có thể nói nhiều thứ tiếng, có vốn kiến thức phong phú về thiên văn, địa lí, lịch sử,...

Cờ-lê-ô-pát lên ngôi khi mới 17 tuổi. Trong thời gian trị vì của mình, bà đã cho xây dựng một đội quân hùng mạnh, một hạm đội các tàu chiến để có thể đương đầu với với đế chế La Mã. Bà còn sở hữu giọng nói ngọt ngào, vì thế một câu chuyện dù tẻ nhạt đến đâu nhưng khi được kể bằng giọng của nữ hoàng cũng trở thành câu chuyện đầy lôi cuốn.

Cờ-lê-ô-pát được dân chúng tôn thờ như một vị nữ thần của Ai Cập.

(Theo Thế Anh, Minh Quân (dịch), *Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát*, NXB Thanh Hoá, 2008)



▲ Hình 4. Chân dung Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát trên mặt đồng tiền của Ai Cập



LUYỆN TẬP

1. Mô tả về một thành tựu văn minh khác của Ai Cập theo tư liệu mà em sưu tầm được.
2. Em ấn tượng nhất với thành tựu văn minh nào của Ai Cập cổ đại? Vì sao?



VẬN DỤNG

Tim hiểu qua sách, báo, internet,... kể tên một số thành tựu văn minh Ai Cập vẫn được bảo tồn đến ngày nay.

2.1.3. Những điểm mới cơ bản của Chương trình và sách giáo khoa

2.1.3.1. Điểm mới của chương trình môn học

– Những điểm mới của Chương trình Lịch sử và Địa lí 5 năm 2018 so với Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 5 hiện hành.

	Chương trình Lịch sử và Địa lí 5 theo CT hiện hành	Chương trình Lịch sử và Địa lí 5 năm 2018
Cấu trúc chương trình môn học lớp 5	– Đối với Lịch sử: tuân thủ nghiêm ngặt tính lịch đại (từ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ (từ năm 1858 đến nay). – Đối với Địa lí: Tổng hợp kiến thức tự nhiên, dân cư – xã hội và kinh tế của Việt Nam, các châu lục và một số quốc gia trên thế giới.	– Đối với Lịch sử: không tuân thủ nghiêm ngặt tính lịch đại mà lựa chọn những sự kiện, vấn đề lịch sử tiêu biểu quan trọng của dân tộc; một số vấn đề lịch sử – văn hóa tiêu biểu của các quốc gia láng giềng; một số nền văn minh tiêu biểu của thế giới. – Đối với Địa lí: mỗi châu lục, quốc gia và các nội dung về Việt Nam chỉ lựa chọn một số kiến thức tiêu biểu, đặc trưng của châu lục, quốc gia và đặc điểm về thiên nhiên, dân cư – xã hội của Việt Nam.

Nội dung	Phần Lịch sử – Hơn tám mươi năm chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ (1858 – 1945) – Bảo vệ chính quyền non trẻ, trường kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) – Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta và đấu tranh thống nhất đất nước (1954 – 1975) – Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước (từ 1975 đến nay) Phần Địa lí – Địa lí Việt Nam – Địa lí thế giới	– Đất nước và con người Việt Nam – Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam – Xây dựng vào bảo vệ đất nước Việt Nam – Các nước láng giềng của Việt Nam – Tìm hiểu thế giới – Chung tay xây dựng thế giới
Sự tích hợp Lịch sử và Địa lí	Sự tích hợp Lịch sử và Địa lí trong chương trình môn học không cao khi nội dung Lịch sử và Địa lí được phân tách riêng biệt.	Sự tích hợp Lịch sử và Địa lí trong chương trình môn học cao. Các kiến thức Lịch sử và Địa lí được tích hợp trong từng chủ đề về đất nước và con người Việt Nam, các nước láng giềng của Việt Nam; tìm hiểu thế giới và chung tay xây dựng thế giới.

2.1.3.2. Những điểm nổi bật, điểm mới về nội dung sách

a) Điểm nổi bật

– Cấu trúc, nội dung SGK *Lịch sử và Địa lí 5* là sự kế thừa và tiếp nối cấu trúc, nội dung ở môn *Tự nhiên và Xã hội* các lớp 1, 2, 3, *Lịch sử và Địa lí* lớp 4 cũng như bám sát yêu cầu cần đạt theo Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 2018 (lớp 5).

– Môn Lịch sử và Địa lí 5 được biên soạn nhằm hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí Việt Nam và thế giới; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học Lịch sử, khoa học Địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của văn hoá các châu lục và quốc gia trên thế giới, sự khác biệt chủng tộc, khơi dậy ở HS ước muốn khám phá lịch sử, địa lí, văn hoá dân tộc và thế giới.

– Nội dung thông tin được cung cấp ngắn gọn, cơ bản, phần còn lại là các tư liệu, lược đồ, tranh ảnh,... Đầu mỗi mục là các câu hỏi/bài tập, dựa vào đó GV có thể tổ chức các hoạt động nhận thức cho HS. Trên cơ sở đó các em sẽ chủ động hơn trong việc tự rút ra kiến thức, tự thực hành và vận dụng kiến thức hoặc liên hệ với cuộc sống, không bị động lĩnh hội những kiến thức có tính bắt buộc từ SGK hay do GV cung cấp như trước đây. Nhờ đó, góp phần hình thành và phát triển năng lực độc lập tìm hiểu tri thức và năng lực nhận thức khoa học ở HS.

– Sách được thiết kế 4 màu rất đẹp. Hệ thống kênh hình phong phú, sinh động, đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm, là nguồn học liệu quan trọng giúp đổi mới phương pháp dạy – học theo định hướng phát triển năng lực.

b) Điểm mới

- Nội dung SGK *Lịch sử và Địa lí 5* – Kết nối tri thức với cuộc sống đã thể hiện đầy đủ nội dung và bám sát yêu cầu cần đạt theo Chương trình môn Lịch sử – Địa lí 2018.
- SGK Lịch sử và Địa lí lớp 5 theo Chương trình năm 2018 tìm hiểu đất nước và con người Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, xây dựng vào bảo vệ đất nước Việt Nam, các nước láng giềng của Việt Nam, tìm hiểu thế giới và chung tay xây dựng thế giới.
- Tính tích hợp giữa Lịch sử và Địa lí được thể hiện chặt chẽ: các kiến thức lịch sử và địa lí được tích hợp trong các chủ đề địa phương và các vùng của Việt Nam. Các kiến thức lịch sử được gắn chặt trong không gian địa lí của địa phương và các vùng miền.
- Khi trình bày về các tri thức lịch sử, các tác giả không chú trọng về diễn biến với những mốc thời gian chi tiết, khó nhớ mà được thiết kế rất ngắn gọn, dễ hiểu dưới dạng sơ đồ, trục thời gian. Một số nội dung được trình bày theo lối dẫn chuyện hoặc kể chuyện lịch sử giúp HS có biểu tượng sinh động, dễ nhớ hơn về một sự kiện, nội dung lịch sử; từ đó, HS có ấn tượng sâu sắc hơn về bài học, yêu thích hơn với môn học.
- Nội dung Địa lí không đi vào trình bày chi tiết các đặc điểm tự nhiên, dân cư – xã hội của Việt Nam và các châu lục, một số quốc gia láng giềng mà chỉ lựa chọn một số kiến thức địa lí tiêu biểu, đặc trưng giúp cho mỗi bài học trở nên vừa sức về kiến thức, góp phần đổi mới PPDH và hình thức kiểm tra đánh giá cho HS.
- Nội dung được thể hiện trực quan, sinh động thông qua hệ thống bảng, lược đồ, hình ảnh,... tạo điều kiện để HS tự khám phá tìm ra tri thức, GV có thể sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp và hình thức tổ chức dạy học khác nhau.

2.2. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

2.2.1. Định hướng chung về đổi mới dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 2018 quy định: Mục tiêu, nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của HS, vì vậy việc dạy học môn Lịch sử và Địa lí cần đảm bảo các định hướng sau:

❖ Dạy học môn Lịch sử và Địa lí góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù. Cụ thể:

– Góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện cụ thể như tính kỉ luật, kiên trì, chủ động, linh hoạt, độc lập; hứng thú và niềm tin trong học tập.

– Góp phần hình thành và phát triển năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Hiệu quả phát triển các năng lực chung trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí còn phụ thuộc vào sự phối hợp của phụ huynh HS và cộng đồng.

– Góp phần hình thành và phát triển năng lực đặc thù: năng lực nhận thức khoa học, năng lực tìm hiểu và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn trong môn Lịch sử và Địa lí.

❖ **Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập**

Tính tích cực của người học được biểu hiện thông qua hứng thú, sự tự giác học tập, khát vọng tìm hiểu, sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập là việc đảm bảo tạo ra hứng thú, sự tự giác học tập, khát khao và sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực.

Năng lực chỉ hình thành khi kiến thức, kĩ năng được chuyển hoá thành hoạt động của một chủ thể nhất định. Do đó, trong dạy học, GV cần tổ chức các hoạt động học tập để HS tích cực, chủ động huy động kiến thức, kĩ năng để hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Mỗi HS sẽ có năng lực khác nhau tùy theo cá nhân huy động chúng vào các hoạt động học ở mức độ nào. Điều này phản ánh rằng cùng một môi trường học tập, những cá nhân khác nhau sẽ có năng lực khác nhau. Như vậy, trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực của HS, tính tích cực của HS là một trong những biểu hiện và cũng là kết quả cần đảm bảo khi tổ chức hoạt động học tập.

❖ **Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS**

Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS chính là việc tổ chức thường xuyên hơn, đồng thời cũng đầu tư hơn về chất lượng những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS. Thực hành là hoạt động áp dụng lí thuyết vào thực tế để hình thành kĩ năng ở người học – thành phần quan trọng của năng lực. Thực hành là cơ sở để hình thành năng lực. Trải nghiệm là hoạt động tổ chức cho người học được quan sát, làm thử, làm thử giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm về việc quan sát, làm qua và kết quả của nó. Quy trình chung của trải nghiệm tập trung giúp người học hình thành và phát triển các năng lực chung và các năng lực đặc thù ứng với từng chủ đề trải nghiệm cụ thể.

Thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm, HS có cơ hội để huy động và vận dụng kiến thức, kĩ năng trong môn học và hoạt động giáo dục để giải quyết các tình huống có thực trong học tập và cuộc sống, từ đó người học hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực. Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu của dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực đòi hỏi từng môn học, HĐGD phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể, có đầu tư.

❖ Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp

Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp chính là việc tổ chức nhiều hơn về số lượng, đầu tư hơn về chất lượng những nhiệm vụ học tập đòi hỏi HS phải huy động, tổng hợp kiến thức, kĩ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết. Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp giúp người học phát triển được những năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, dạy học, giáo dục tích hợp còn kết nối, tạo ra mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với thực tiễn, tránh trùng lặp về nội dung. Thông qua chuỗi hoạt động có liên quan đến chủ đề với những hình thức khác nhau sẽ góp phần tác động tổng hợp, hình thành phẩm chất, năng lực của người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Để giải quyết hiệu quả những vấn đề trong cuộc sống, kiến thức và kĩ năng của từng môn học đôi lúc không khả thi mà cần sự hiểu biết phong phú, đa dạng dựa trên yêu cầu của nhiều môn học hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng môn học. Thông qua dạy học tích hợp, HS được rèn luyện khả năng tìm hiểu và vận dụng những kiến thức từ nhiều lĩnh vực một cách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong bài học, chủ đề. Nói khác đi, dạy học, giáo dục tích hợp tạo cơ hội cho HS tiếp cận vấn đề toàn diện, từ đó HS phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết tương ứng.

❖ Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá

Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá chính là việc tổ chức thường xuyên và đầu tư hơn việc phân loại và chia tách các đối tượng người học, từ đó, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng ấy nhằm đạt hiệu quả cao. Dạy học, giáo dục phân hoá đòi hỏi chương trình dạy học phải xây dựng được các môn học, chủ đề khác nhau để HS lựa chọn phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Dạy học, giáo dục phân hoá là quá trình dạy học nhằm đảm bảo cho mỗi cá nhân người học phát triển tối đa năng lực, sở trường, phù hợp với các yếu tố cá nhân, trong đó người học được tạo điều kiện để lựa chọn nội dung, độ khó, hình thức, nhịp độ học tập phù hợp với bản thân. Cơ sở của dạy học phân hoá là sự công nhận những khác biệt giữa các cá nhân người học như phong cách học tập, các loại hình trí thông minh, nhu cầu và điều kiện học tập,... Dạy học phân hoá sẽ giúp HS phát triển tối đa năng lực của từng HS, đặc biệt là năng lực đặc thù. Vì thế, nguyên tắc dạy học phân hoá là phân hoá sâu dần qua các cấp học để đảm bảo phù hợp với các biểu hiện hay mức độ biểu hiện của phẩm chất, năng lực hiện có của người học và phát triển ở tầm cao mới sao cho phù hợp.

❖ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm tối ưu hoá việc phát huy năng lực của người học

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ với sự ra đời của nhiều ứng dụng, thiết bị dạy học hiện đại và tính mở của các nguồn thông tin cho phép GV thay đổi

cách tổ chức dạy học và HS có nhiều cơ hội để học chủ động. Đây là yếu tố quan trọng để giúp môi trường học tập trở nên mở và tích cực, từ đó phát huy được năng lực của người học.

❖ Kiểm tra, đánh giá theo năng lực, phẩm chất là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

Kiểm tra, đánh giá theo phẩm chất, năng lực là không lấy kiểm tra, đánh giá khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Kiểm tra, đánh giá theo năng lực chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống cụ thể.

Điều kiện tiên quyết là điều kiện cần phải có, phải được giải quyết trước nhất trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Với sự thay đổi về mục tiêu của CTGDPT 2018, rõ ràng kiểm tra, đánh giá theo năng lực là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực. Trong chương trình giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực, bên cạnh mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình, cần chú trọng mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của HS. Đây là cơ sở để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì vậy, GV cần ĐGTX để xác định mức độ tiến bộ so với chính bản thân HS về năng lực. Các thông tin về năng lực người học được thu thập trong suốt quá trình học tập thông qua một loạt các phương pháp khác nhau: đặt câu hỏi; đối thoại trên lớp; phản hồi thường xuyên; tự đánh giá và đánh giá giữa các HS với nhau; giám sát sự phát triển qua sử dụng bảng danh sách các hành vi cụ thể của từng thành tố năng lực; đánh giá tình huống; đánh giá qua dự án, hồ sơ học tập.

2.2.2. Một số phương pháp dạy học trong môn Lịch sử và Địa lí nhằm phát triển phẩm chất và năng lực HS

2.2.2.1. Phương pháp dạy học đặc trưng

a) Phương pháp sử dụng các phương tiện trực quan (bản đồ, lược đồ, tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,...)

* Sử dụng bản đồ, lược đồ

– *Khái niệm:* Sử dụng bản đồ, lược đồ là phương pháp trong đó GV tổ chức cho HS vận dụng những hiểu biết về bản đồ, lược đồ để xác định được vị trí địa lí, một số đặc điểm của đối tượng lịch sử, địa lí cũng như phát hiện ra mối quan hệ giữa các đối tượng lịch sử, địa lí trên bản đồ.

– *Các bước sử dụng:*

+ Bước 1: Đọc tên bản đồ, lược đồ và xác định mục đích làm việc với bản đồ/lược đồ thông qua hệ thống câu hỏi yêu cầu.

+ Bước 2: Đọc bảng chú giải và quan sát các đối tượng chính thể hiện trên bản đồ/lược đồ.

+ Bước 3: Xác định vị trí của đối tượng lịch sử, địa lí trên bản đồ/lược đồ dựa vào kí hiệu.

+ Bước 4: Quan sát đối tượng trên bản đồ/lược đồ, nhận xét và nêu đặc điểm đơn giản của đối tượng.

+ Bước 5: Xác lập mối quan hệ đơn giản giữa các yếu tố và các thành phần, trên cơ sở HS biết kết hợp những kiến thức bản đồ/lược đồ và kiến thức lịch sử, địa lí để so sánh và phân tích,...

– Một số lưu ý:

+ Đối với HS tiểu học, không bắt buộc áp dụng bước thứ 5 trong quá trình tổ chức cho HS khai thác kiến thức từ bản đồ/lược đồ.

+ GV dựa vào câu hỏi trong SGK để dẫn dắt HS dựa vào bản đồ/lược đồ để khám phá kiến thức.

+ HS phải được trang bị một số kiến thức về bản đồ tối thiểu như: xác định phương hướng trên bản đồ, đọc và hiểu các kí hiệu trên bản đồ,...

– Ví dụ minh họa:

Quan sát *Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay*, hãy kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm.



+ GV hướng dẫn cho HS đọc tên lược đồ, xác định các đối tượng chính thể hiện trên lược đồ, đọc bảng chú giải.

+ Định hướng cho HS sử dụng lược đồ: GV đưa ra các câu hỏi hoặc xây dựng Phiếu học tập, yêu cầu HS sử dụng lược đồ để trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành Phiếu học tập (Ví dụ: Các đền tháp Chăm phân bố chủ yếu ở khu vực nào của nước ta hiện nay? Kể tên một số tỉnh phân bố nhiều đền tháp Chăm,...). Các câu hỏi hoặc Phiếu học tập cần chú ý giúp HS khai thác kiến thức, rèn luyện kỹ năng xác định vị trí, địa danh, phân bố, đặc điểm,... của các đối tượng cần khai thác.

+ HS làm việc với lược đồ, GV hướng dẫn (nếu cần).

+ HS báo cáo kết quả, GV nhận xét, hướng dẫn HS bổ sung những kiến thức, kỹ năng mà HS chưa rõ.

* Phương pháp sử dụng tranh ảnh lịch sử và địa lý

– *Khái niệm:* Tranh ảnh là một nguồn tài liệu trực quan hết sức quan trọng nhằm giúp GV dạy môn Lịch sử và Địa lý đem tính chân thực của cuộc sống vào trong bài giảng. Phương pháp sử dụng tranh ảnh là phương pháp trong đó GV tổ chức cho HS quan sát, so sánh, phân tích để rút ra các đặc điểm của đối tượng lịch sử, hiện tượng địa lý qua tranh ảnh.

– *Các bước sử dụng:*

+ Bước 1: Xác định mục đích của việc làm thông qua nội dung câu hỏi.

+ Bước 2: Xác định nội dung thể hiện của hình ảnh/hình vẽ thông qua tên của hình ảnh/hình vẽ và các đối tượng xuất hiện trên hình ảnh/hình vẽ.

+ Bước 3: Phân tích nội dung thể hiện của hình ảnh/hình vẽ thông qua trả lời các câu hỏi: Những đối tượng trên hình ảnh/hình vẽ có mối quan hệ với nhau như thế nào? Tác động của chúng đã/sẽ dẫn đến những hệ quả gì? Từ đó rút ra nhận xét.

+ Bước 4: Tìm ra các mối liên hệ nhân – quả, tương hỗ hoặc xu hướng biến đổi của đối tượng (các hình vẽ và ảnh đều thể hiện cùng một đối tượng), những đặc điểm khác nhau của cùng một đối tượng (mỗi hình ảnh/hình vẽ thể hiện một đặc điểm).

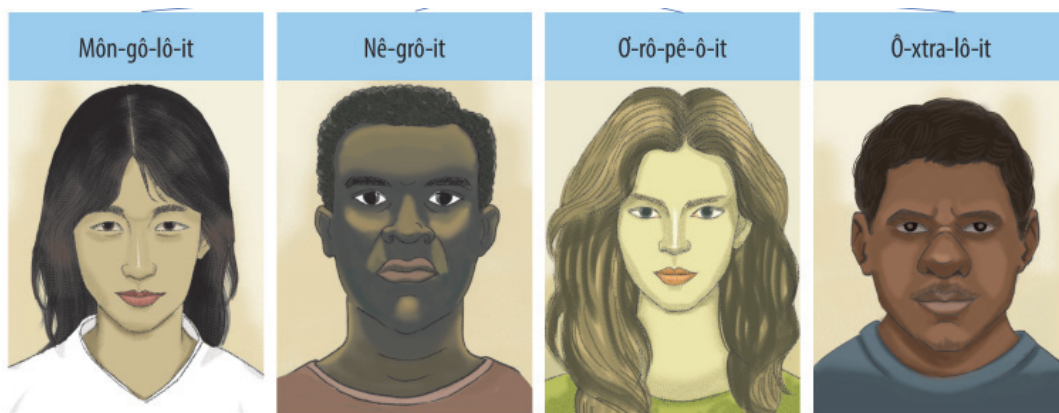
– *Một số lưu ý:*

+ Đối với HS tiểu học, không bắt buộc áp dụng bước thứ tư trong quá trình tổ chức cho HS khai thác kiến thức từ tranh ảnh.

+ GV dựa vào câu hỏi trong SGK để hướng dẫn HS dựa vào tranh ảnh để khám phá kiến thức.

– *Ví dụ minh họa:*

Trong bài 23: Dân số và các chủng tộc chính trên thế giới, GV tổ chức cho HS quan sát hình 1 kết hợp với kênh chữ để mô tả các nét chính về ngoại hình của các chủng tộc chính trên thế giới.



Hình 1. Các chủng tộc chính trên thế giới

GV có thể tổ chức cho HS khai thác tranh ảnh theo các bước sau:

- + Bước 1: GV yêu cầu HS đọc câu hỏi và xác định nhiệm vụ: Mô tả các đặc điểm chính của các chủng tộc trên thế giới (màu da, tóc, màu tóc, mắt...).
- + Bước 2: GV yêu cầu HS quan sát từng bức ảnh và mô tả điều các em nhìn thấy.
- + Bước 3: HS mô tả trước lớp, cả lớp thảo luận.
- + Bước 4: Rút ra kết luận về đặc điểm ngoại hình của các chủng tộc chính trên thế giới.

* Sử dụng bảng số liệu

– *Khái niệm:* Sử dụng bảng số liệu là phương pháp trong đó GV tổ chức cho HS đối chiếu, so sánh, phân tích các số liệu của bảng số liệu để rút ra nhận xét về kiến thức địa lí.

– *Các bước sử dụng:*

- + Bước 1: Đọc tên bảng số liệu để hiểu nội dung.
- + Bước 2: Xác định được mục đích làm việc với bảng số liệu.
- + Bước 3: Đối với bảng số liệu: đọc tên hàng và tên cột, đọc đơn vị thể hiện của số liệu.
- + Bước 4: Đối chiếu các số liệu theo cột và theo hàng (bảng số liệu) và theo đối tượng được chú giải để rút ra nhận xét.

– *Một số lưu ý:*

+ Đối với HS tiểu học, trong quá trình hướng dẫn HS làm việc với bảng số liệu, GV nên khai thác yêu cầu cần đạt và câu hỏi được thiết kế trong SGK để dẫn dắt HS khám phá kiến thức.

+ GV cần bồi dưỡng cho HS năng lực tìm hiểu địa lí thông qua làm việc với số liệu thống kê.

– *Ví dụ minh họa:*

Trong bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam, GV tổ chức cho HS đọc và phân tích bảng số liệu về số dân các nước Đông Nam Á năm 2021 để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Cho biết số dân nước ta năm 2021.

+ So sánh số dân nước ta với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

BẢNG SỐ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

Tên nước	Số dân (nghìn người)	Tên nước	Số dân (nghìn người)
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	273 753	Cam-pu-chia	16 589
Phi-líp-pin (Philippines)	113 880	Lào	7 425
Việt Nam	98 504 ^(*)	Xin-ga-po (Singapore)	5 941
Thái Lan	71 601	Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1 321
Mi-an-ma (Myanmar)	53 798	Bru-nây (Brunei)	445
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	33 574		

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022, ^(*) Số liệu Việt Nam lấy theo Niên giám thống kê 2022)

GV có thể tổ chức cho HS khai thác bảng số liệu trên theo các bước sau:

- + Bước 1: HS đọc tên bảng số liệu.
- + Bước 2: HS đọc câu hỏi để xác định yêu cầu (xác định số dân của Việt Nam và so sánh số dân của Việt Nam với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á).
- + Bước 3: Đọc thông tin hàng dọc, hàng ngang và đơn vị của số dân.
- + Bước 4: Dựa vào số liệu thống kê để rút ra kết luận về số dân của Việt Nam.

* Sử dụng biểu đồ

– *Khái niệm*: biểu đồ là cấu trúc đồ họa phản ánh một cách trực quan hoá các số liệu thống kê và quá trình phát triển của hiện tượng, mối quan hệ về thời gian và không gian của các hiện tượng.

– Các loại biểu đồ thường được sử dụng trong môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học gồm: biểu đồ hình cột nhằm so sánh và chỉ sự phát triển của các sự vật, hiện tượng địa lí; biểu đồ hình tròn, hình vuông thể hiện cơ cấu các dân tộc, cơ cấu sản phẩm nông nghiệp,...

– *Ý nghĩa*: biểu đồ thể hiện tính trực quan, làm cho HS tiếp thu tri thức được dễ dàng, tạo hứng thú trong học tập.

– *Hướng dẫn sử dụng biểu đồ*:

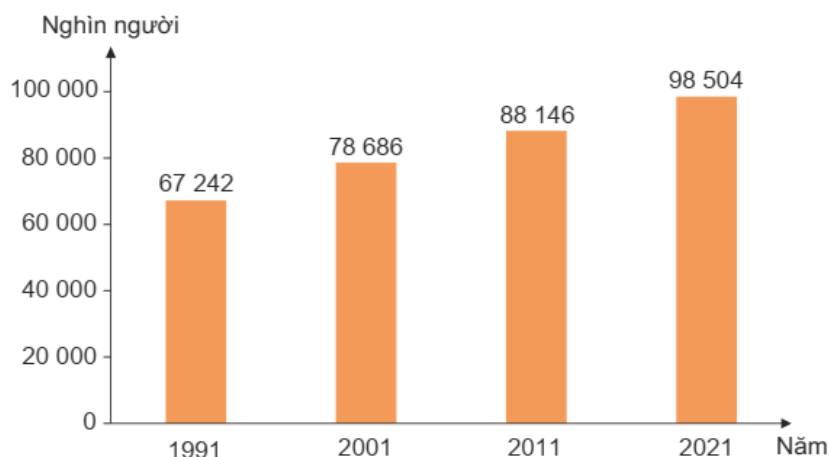
- + Bước 1: Đọc tên biểu đồ để hiểu nội dung.
- + Bước 2: Xác định được mục đích làm việc với biểu đồ.
- + Bước 3: Quan sát và phân tích biểu đồ: phân nội dung biểu đồ, bảng chú giải, mối quan hệ giữa các đối tượng trên biểu đồ
- + Bước 4: Rút ra nhận xét dựa vào dữ liệu trên biểu đồ.

– *Ví dụ minh họa*:

Trong bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam, GV tổ chức cho HS quan sát hình 1 và thực hiện nhiệm vụ:

+ Cho biết số dân của nước ta năm 2021 tăng bao nhiêu nghìn người so với năm 1991.

+ Nêu một số ảnh hưởng của gia tăng dân số ở nước ta.



▲ **Hình 1.** Biểu đồ số dân của Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021

(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam các năm)

GV hướng dẫn HS làm việc với biểu đồ theo các bước sau:

+ Bước 1: Đọc tên biểu đồ để hiểu nội dung: Số dân của Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021.

+ Bước 2: Xác định được mục đích làm việc với biểu đồ: tính số dân Việt Nam năm 2021 tăng lên như thế nào so với năm 1991.

+ Bước 3: HS dựa vào số liệu trên biểu đồ, tính toán và quan sát xu hướng thay đổi của số dân Việt Nam qua thời kì 1991 – 2021.

+ Bước 4: Rút ra nhận xét dựa vào dữ liệu trên biểu đồ.

b) Phương pháp đóng vai

– **Khái niệm:** Phương pháp đóng vai là cách tổ chức cho HS tham gia giải quyết một tình huống của nội dung học tập gắn liền với thực tế cuộc sống bằng cách diễn xuất một cách ngẫu hứng, có thể không dùng kịch bản hoặc luyện tập trước.

– **Vai trò:** Phương pháp đóng vai làm thay đổi hình thức học tập, tạo không khí lớp học thoải mái và hấp dẫn hơn.

+ HS được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ ý kiến của mình, khai thác được vốn kinh nghiệm của HS.

+ Phát huy trí tưởng tượng và xâm nhập vào cuộc sống thực tế của HS để tìm ra cách giải quyết, qua đó rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề trong một tình huống cụ thể cho HS.

+ HS có thể tiếp thu kiến thức một cách tự giác, tích cực, đồng thời HS hứng thú với bài học hơn.

– *Các bước tiến hành:*

+ Lựa chọn tình huống đóng vai: tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với lứa tuổi, trình độ của HS tiểu học; tình huống không nên quá dài và phức tạp, vượt quá thời gian cho phép; tình huống phải có nhiều cách giải quyết và mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử cho phù hợp.

+ Tổ chức: dành thời gian phù hợp cho HS thảo luận và xây dựng kịch bản phù hợp; mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai; GV lắng nghe, gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.

c) *Phương pháp kể chuyện*

– *Khái niệm:* Kể chuyện là cách dùng lời nói trình bày một cách sinh động, có hình ảnh và truyền cảm đến người nghe về một nhân vật, một sự kiện lịch sử để hình thành một biểu tượng, một khái niệm với niềm tin sâu sắc.

Kể chuyện là một trong những phương pháp được sử dụng thường xuyên trong học lịch sử, vì kiến thức bài học được chuyển tải qua các câu chuyện đã góp phần hình thành những biểu tượng, khái niệm về các nhân vật, sự kiện lịch sử qua các thời kì.

– *Vai trò:*

+ Kể chuyện là phương pháp hữu hiệu trong việc diễn đạt các ý tưởng, những khái niệm mới có thể trở thành dễ hiểu và gần gũi đối với HS tiểu học.

+ Kể chuyện tạo nên bức tranh sinh động về quá khứ, đó là những biến cố lịch sử; những nhân vật nổi tiếng; những vùng đất xa lạ; những hiện tượng tự nhiên, xã hội;... góp phần hình thành những biểu tượng và khái niệm sâu sắc.

+ Phương pháp kể chuyện còn tạo ra niềm tin vào sự chân – thiện – mỹ, vào sức sáng tạo vô hạn của con người trong việc cải tạo thế giới tự nhiên.

+ Phương pháp kể chuyện còn rèn cho HS tập diễn đạt câu chuyện theo ý tưởng và ngôn ngữ của mình, góp phần phát triển ngôn ngữ cho HS.

– *Các bước tiến hành và một số lưu ý:*

+ GV trực tiếp kể chuyện, thông qua đó cung cấp thông tin về nội dung bài học.

+ HS được tham gia kể chuyện sau khi đã tìm hiểu bài học, đối thoại để hiểu các tình tiết chủ yếu của bài học lịch sử hoặc đọc thêm tài liệu tham khảo.

+ Kể chuyện kết hợp với các phương tiện nghe, nhìn dưới dạng dẫn chuyện hoặc thuyết minh.

+ Thời gian kể chuyện không nên kéo dài quá 15 phút, vì sự tập trung chú ý của HS tiểu học không lâu bền.

+ Có thể sử dụng hình thức kể chuyện kết hợp với phương pháp đóng vai,... để nhiều HS cùng tham gia, trên cơ sở đó HS tái hiện được sự thật lịch sử.

+ Sử dụng tranh ảnh theo trình tự diễn biến câu chuyện để HS dễ nhớ và có khả năng kể lại.

d) Tổ chức trò chơi học tập

Tổ chức trò chơi học tập trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí nhằm thay đổi hình thức học tập trong từng hoạt động, tạo không khí lớp học thoải mái, HS hứng thú trong học tập, từ đó giúp HS tiếp thu bài một cách tích cực, chủ động và tự giác, hình thành cho HS các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Lịch sử và Địa lí.

– *Các bước tiến hành:*

- + Xác định mục đích trò chơi.
- + Chuẩn bị nội dung, phương tiện tổ chức trò chơi.
- + Thực hiện trò chơi.
- + Công bố kết quả, tuyên dương khen thưởng các đội chơi.

HS được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở GV là người tổ chức, hướng dẫn cho HS tìm kiếm và thu thập thông tin, gợi mở giải quyết vấn đề, tạo cho HS có điều kiện thực hành, tiếp xúc với thực tiễn, học cách phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.

Trong dạy học lịch sử chú trọng lối kể chuyện, dẫn chuyện. GV giúp cho HS làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới thông qua các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để HS bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian; đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử; bước đầu làm quen với lịch sử khu vực và lịch sử thế giới.

Đối với địa lí, dạy học gắn liền với việc khai thác kiến thức từ các nguồn tư liệu lược đồ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu; chú trọng dạy học khám phá, quan sát thực địa; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của HS thông qua thảo luận, đóng vai, dự án,... nhằm khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HS đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, từ đó hình thành năng lực tự học và khả năng vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn.

GV cần tận dụng tối đa các điều kiện cụ thể ở địa phương để tổ chức các giờ học ngoài lớp cho HS tham quan các cảnh quan, các di tích lịch sử – văn hoá, gặp gỡ các cá nhân và tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động xã hội.

2.2.2.2. Một số phương pháp dạy học tích cực

a) Phương pháp thảo luận

– *Khái niệm:* Thảo luận là phương pháp dạy học GV tổ chức cuộc đối thoại, trao đổi ý kiến giữa GV và HS, giữa HS với nhau về một vấn đề học tập hoặc một vấn đề trong cuộc sống để rút ra kết luận khoa học.

– *Ý nghĩa:* Phương pháp thảo luận phát huy cao độ vai trò chủ thể tích cực của HS trong học tập. Qua làm việc với các đối tượng học tập, qua bàn bạc, trao đổi ý kiến, quan điểm của mình với các bạn ở trong nhóm, lớp mà HS có thể chiếm lĩnh được kiến thức của bài học bằng chính hoạt động của mình.

Phương pháp thảo luận để cao sự hợp tác tích cực của HS, phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

– *Cách thức tiến hành*: Thảo luận có thể được tiến hành theo nhóm nhỏ hoặc cả lớp.

+ Thảo luận cả lớp:

- **Xác định chủ đề thảo luận**: Muốn thảo luận thành công, GV cần chú trọng ở khâu lựa chọn chủ đề thảo luận. Chủ đề thảo luận nên chọn là chủ đề mở, có thể xem xét chúng ở nhiều khía cạnh theo những quan điểm khác nhau.

- **Tổ chức thảo luận**: Sau khi nêu chủ đề cần thảo luận, GV có thể cử HS phát biểu đầu tiên hoặc gọi HS muốn phát biểu. GV theo dõi tiến triển của cuộc thảo luận, yêu cầu các HS khác nhận xét, đưa ra ý kiến của mình, hướng ý kiến của HS theo đúng kế hoạch dự kiến.

- **Tổng kết**: GV giúp HS nêu kết quả thảo luận và hoàn thiện câu trả lời của HS.

+ Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm sẽ tạo điều kiện cho HS có thời gian trình bày ý kiến, quan điểm của mình cũng như lắng nghe ý kiến, quan điểm của các bạn khác trong một khoảng thời gian nhất định.

- **Xác định chủ đề thảo luận**: Tùy từng nội dung bài học, GV có thể cho HS thảo luận một chủ đề hoặc mỗi nhóm một chủ đề, hoặc ít nhất 2 nhóm cùng chủ đề để các nhóm có thể bổ sung cho nhau.

- **Chia nhóm**: GV chia nhóm tùy theo số lượng HS trong lớp, nhưng số lượng thành viên trong nhóm không nên quá đông, từ 4 đến 6 HS. Các nhóm bầu nhóm trưởng, thư kí của nhóm.

- **Tổ chức thảo luận**: GV giao nhiệm vụ thảo luận thông qua các câu hỏi hoặc phiếu học tập. Nhóm trưởng tổ chức thảo luận, các thành viên nêu ý kiến, thư kí nhóm sẽ tổng hợp ý kiến. GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm trong lúc thảo luận.

- **Báo cáo kết quả thảo luận**: Các nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- **Tổng kết**: GV nhận xét kết quả làm việc của cả nhóm, kết luận những vấn đề trọng tâm của buổi thảo luận.

b) Phương pháp giải quyết vấn đề

– *Khái niệm*: Phương pháp GQVĐ được hiểu là tổ chức quá trình dạy học bao gồm việc tạo ra tình huống, gợi vấn đề trong giờ học, kích thích ở HS nhu cầu GQVĐ nảy sinh, lôi kéo HS vào hoạt động nhận thức tự lực, nhằm nắm vững kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo mới, phát triển tính tích cực của trí tuệ và hình thành ở HS năng lực tự mình thông hiểu và lĩnh hội thông tin khoa học mới.

Theo các nhà nghiên cứu, dạy học GQVĐ có thể chia làm ba pha với nhiệm vụ của GV và HS cụ thể như sau:

Pha	Nhiệm vụ GV	Nhiệm vụ HS
1	Tạo tình huống có vấn đề, giao nhiệm vụ cho HS	Nhận nhiệm vụ được giao, phát biểu vấn đề
2	Tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ HS GQVĐ	HS hành động độc lập, trao đổi tìm tòi để GQVĐ
3	GV chính xác hoá, bổ sung củng cố, thể chế hoá tri thức	HS trình bày, bảo vệ vấn đề đã giải quyết và nhận nhiệm vụ mới đặt ra

- Tình huống có vấn đề có thể được tạo ra bằng các cách sau:
- + Tình huống không phù hợp với quan niệm thông thường, trái với kinh nghiệm đã có.
- + Tình huống mâu thuẫn giữa lí thuyết và thực tế, giữa thực tế nơi này với nơi kia.
- + Tình huống xung đột, đối nghịch nhau.
- + Tình huống lựa chọn một trong các phương án.
- + Tình huống đột biến, sự kiện phát triển nhanh khác thường.
- + Tình huống giả thuyết cần phải chứng minh.
- + Tình huống nhân quả (tình huống tại sao?).
- Các bước tổ chức:
- + Bước 1: Đặt vấn đề, xây dựng tình huống có vấn đề.
 - Tạo tình huống có vấn đề.
 - Phát hiện và nhận dạng vấn đề nảy sinh.
 - Phát biểu vấn đề cần giải quyết.
- + Bước 2: Giải quyết vấn đề đặt ra.
 - Đề xuất các giả thuyết.
 - Lập kế hoạch giải quyết vấn đề.
 - Thực hiện kế hoạch.
- + Bước 3: Báo cáo cách giải quyết: Thảo luận kết quả và đánh giá.
- + Bước 4: Kết luận.
 - Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đã nêu.
 - Phát biểu kết luận và đề xuất vấn đề mới.

2.2.3. Một số kĩ thuật dạy học

Kĩ thuật dạy học là những động tác, cách thức hành động của GV và HS trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Dưới đây là một số kĩ thuật dạy học thường xuyên được sử dụng trong dạy học phân môn Địa lí.

2.2.3.1. Kĩ thuật động não

– *Khái niệm*: Động não (cộng não) là một kĩ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra

“cơ lõi” các ý tưởng). Kỹ thuật động não do Alex Osborn (Mỹ) phát triển, dựa trên một kỹ thuật truyền thống từ Ấn Độ.

– *Quy tắc của động não:*

- Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên.
- Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày.
- Khuyến khích số lượng các ý tưởng.
- Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

– *Các bước tiến hành:*

- + Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề.
- + Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau.

+ Kết thúc việc đưa ra ý kiến.

+ *Đánh giá:*

- Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng: Có thể ứng dụng trực tiếp; có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm; không có khả năng ứng dụng.
- Đánh giá những ý kiến đó lựa chọn.
- Rút ra kết luận hành động.

– *Ứng dụng:*

- Dùng trong giai đoạn nhập đề vào một chủ đề.
- Tìm các phương án giải quyết vấn đề.
- Thu thập các khả năng lựa chọn và ý nghĩ khác nhau.

– *Ưu điểm:* Dễ thực hiện; không tốn kém; sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể; huy động được nhiều ý kiến; tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia.

– *Nhược điểm:* Có thể đi lạc đề, tản mạn; có thể mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp; có thể có một số HS quá tích cực, số khác thụ động.

Kỹ thuật động não được áp dụng phổ biến và người ta xây dựng nhiều kỹ thuật khác dựa trên kỹ thuật này, có thể coi là các dạng khác nhau của kỹ thuật động não.

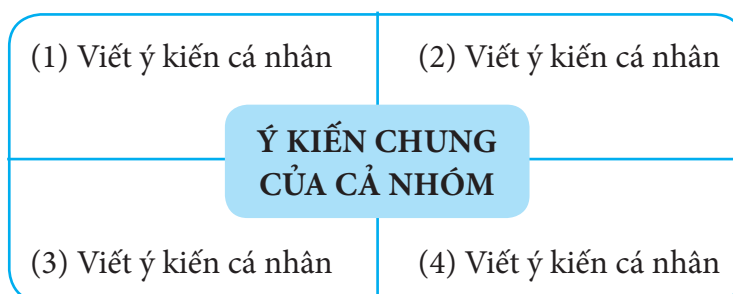
2.2.3.2. Kỹ thuật khăn trải bàn

Kỹ thuật khăn trải bàn là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm.

– *Mục tiêu:*

- + Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.
- + Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS.
- + Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

- Tác dụng đối với HS:
- + HS học được cách tiếp cận với nhiều giải pháp và chiến lược khác nhau.
- + Rèn kĩ năng suy nghĩ, quyết định và giải quyết vấn đề.
- + HS đạt được mục tiêu học tập cá nhân cũng như hợp tác.
- + Sự phối hợp làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm nhỏ tạo cơ hội nhiều hơn cho học tập có sự phân hoá.
- + Nâng cao mối quan hệ giữa HS. Tăng cường sự hợp tác, giao tiếp, học cách chia sẻ kinh nghiệm và tôn trọng lẫn nhau.
- + Nâng cao hiệu quả học tập.
- Cách tiến hành:



Sơ đồ kĩ thuật “Khăn trải bàn”

Chia HS thành các nhóm và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A0/hoặc bảng phụ:

- Trên giấy A0/bảng phụ chia thành các phần, gồm phần chính giữa và các phần xung quanh. Phần xung quanh được chia theo số thành viên của nhóm (ví dụ nhóm 4 người). Mỗi người ngồi vào vị trí tương ứng với từng phần xung quanh.
- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, tập trung suy nghĩ trả lời câu hỏi/nhiệm vụ theo cách nghĩ, cách hiểu riêng của mỗi cá nhân và viết vào phần giấy của mình trên tờ A0.
- Trên cơ sở những ý kiến của mỗi cá nhân, HS thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa của tờ giấy A0 “khăn trải bàn”.
- Một số lưu ý khi tổ chức dạy học theo kĩ thuật khăn trải bàn:
- + Câu hỏi thảo luận là câu hỏi mở.
- + Trong trường hợp số HS trong nhóm quá đông, không đủ chỗ trên khăn trải bàn, có thể phát cho HS những mảnh giấy nhỏ để HS ghi ý kiến cá nhân, sau đó dính vào phần xung quanh khăn trải bàn.
- + Trong quá trình thảo luận thống nhất ý kiến, dính những ý kiến thống nhất vào giữa khăn trải bàn. Những ý kiến trùng nhau có thể dính chồng lên nhau.
- Những ý kiến không thống nhất, cá nhân có quyền bảo lưu và được giữ lại ở phần xung quanh của khăn trải bàn.

2.2.3.3. Kỹ thuật 3 lần 3

Kỹ thuật 3 lần 3 là một kỹ thuật lấy thông tin phản hồi nhằm huy động sự tham gia tích cực của HS. Cách làm như sau:

- HS được yêu cầu cho ý kiến phản hồi về một vấn đề nào đó (nội dung buổi thảo luận, phương pháp tiến hành thảo luận,...).
- Mỗi người cần viết ra: 3 điều tốt; 3 điều chưa tốt; 3 đề nghị cải tiến hoặc 3 nguyên nhân, 3 biểu hiện, 3 giải pháp.
- Sau khi thu thập ý kiến thì xử lý và thảo luận về các ý kiến phản hồi.

2.2.3.4. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

– *Khái niệm:*

Sơ đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm) là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Sơ đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bản trong, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

– *Hướng dẫn vẽ sơ đồ tư duy:*

- + Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
- + Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng CHỮ IN HOA. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh.
- + Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.

+ Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

– *Ứng dụng của sơ đồ tư duy:*

Sơ đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều tình huống khác nhau như:

- Tóm tắt nội dung, ôn tập một chủ đề;
- Trình bày tổng quan một chủ đề;
- Chuẩn bị ý tưởng cho một báo cáo hay buổi nói chuyện, bài giảng;
- Thu thập, sắp xếp các ý tưởng;
- Ghi chép khi nghe bài giảng.

– *Ưu điểm của sơ đồ tư duy:*

- + Các hướng tư duy được để mở ngay từ đầu;
- + Các mối quan hệ của các nội dung trong chủ đề trở nên rõ ràng;
- + Nội dung luôn có thể bổ sung, phát triển, sắp xếp lại;
- + HS được luyện tập phát triển, sắp xếp các ý tưởng.

2.3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phát triển phẩm chất, năng lực trong môn Lịch sử và Địa lí

2.3.1. Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá phát triển phẩm chất và năng lực HS trong môn Lịch sử và Địa lí

Kiểm tra, đánh giá là một thành phần quan trọng của quá trình dạy học, có mối quan hệ chặt chẽ với các thành tố khác (mục tiêu, phương pháp, hình thức, môi trường học tập, mối quan hệ giữa thầy và trò). Do vậy, việc đổi mới chương trình cũng định hướng cho sự thay đổi cách thức kiểm tra, đánh giá phát triển phẩm chất và năng lực HS trong môn Lịch sử và Địa lí. Cụ thể:

- Về căn cứ đánh giá, việc đánh giá kết quả giáo dục phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung, năng lực đặc thù môn Lịch sử và Địa lí được quy định trong CTGDPT tổng thể và Chương trình môn Lịch sử và Địa lí. Cần lưu ý là các phẩm chất và năng lực này được hình thành, củng cố và phát triển theo lộ trình, nên trong khi đánh giá cần xác định rõ HS đã/đang đứng ở đâu trong lộ trình đạt tới các kết quả đầu ra kì vọng và GV cần phải hành động như thế nào để cải thiện thành tích học tập của HS. Như vậy, cần chú trọng cả ĐGTX và ĐGĐK, trong đó cần coi trọng việc ĐGTX.

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.

- Về nội dung đánh giá, bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với lược đồ, bảng số liệu, trục thời gian, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề trong học tập và thực tiễn, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử hay địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

- Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường ĐGTX đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua ĐGTX, ĐGĐK, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí lớp 5, đánh giá kết quả học tập của HS là hoạt động xem xét mức độ đạt được của mỗi HS theo yêu cầu cần đạt của môn học đã đề ra, trên cơ sở đó, tìm ra giải pháp để đánh thức tiềm năng và khắc phục những hạn chế trong quá trình học tập của HS. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của quá trình dạy học môn Lịch sử và Địa lí, đồng thời tạo cơ sở để điều chỉnh việc dạy

học, thúc đẩy quá trình học tập của HS. Mục đích của đánh giá trong môn Lịch sử và Địa lí là nhằm vào sự tiến bộ trong quá trình học tập của HS.

2.3.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng đánh giá phẩm chất, năng lực HS trong môn Lịch sử và Địa lí

Trong thực tế, ĐGTX (đánh giá quá trình) và ĐGĐK (đánh giá tổng kết) là hai hình thức cơ bản được sử dụng trong các nhà trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay. Đặc trưng của quan điểm đánh giá (đánh giá là học tập, đánh giá vì học tập, đánh giá kết quả học tập) được thể hiện và gắn kết chặt chẽ với mục đích đánh giá trong từng hình thức.

2.3.2.1. Đánh giá thường xuyên

* ĐGTX là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục tiểu học; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS; xác nhận kết quả đạt được của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

* Một số hình thức ĐGTX

– ĐGTX được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

– Đối với một môn học, mỗi HS được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học: có thể đánh giá bằng nhận xét hoặc đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số.

2.3.2.2. Đánh giá định kì

* ĐGĐK là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục tiểu học; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lý giáo dục, GV, HS để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của HS; bên cạnh đó giúp HS hệ thống hoá kiến thức, mở rộng tri thức đã học; đồng thời tạo cơ sở để HS tiếp tục học sang bài mới, chủ đề mới hiệu quả hơn.

* Một số hình thức ĐGĐK

– ĐGĐK gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học là 40 – 45 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, để kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục tiểu học.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục tiểu học trước khi thực hiện.

– Trong mỗi học kì, mỗi môn học có một lần đánh giá giữa kì và một lần đánh giá cuối kì với hình thức đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số.

2.3.3. Hướng dẫn sử dụng các công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS

2.3.3.1. Câu hỏi và bài tập

– Khái niệm: Câu hỏi và bài tập là một trong các công cụ khá phổ biến được dùng trong kiểm tra, đánh giá. Chương trình dạy học định hướng năng lực được xây dựng trên cơ sở chuẩn năng lực của môn học. Năng lực chủ yếu hình thành qua hoạt động học của HS. Do đó, hệ thống câu hỏi, bài tập định hướng năng lực chính là công cụ để HS luyện tập nhằm hình thành năng lực và là công cụ để GV và các cán bộ quản lý giáo dục kiểm tra, đánh giá năng lực của HS và biết được mức độ đạt chuẩn của quá trình dạy học.

– Yêu cầu khi xây dựng các câu hỏi và bài tập nhằm kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS trong môn Lịch sử và Địa lí cần đảm bảo: Xây dựng các câu hỏi theo mức độ nhận thức, phân bố tỉ lệ câu hỏi theo mức độ từ dễ đến khó cho phù hợp với các đối tượng HS khác nhau: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.

– Câu hỏi và bài tập có hai dạng: câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận.

+ Trắc nghiệm là hình thức kiểm tra mà trong đó các đề kiểm tra thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu nêu ra một vấn đề cùng với những thông tin cần thiết, sao cho HS chỉ phải trả lời vắn tắt đối với từng câu.

+ Tự luận là hình thức kiểm tra với các câu hỏi mở, yêu cầu HS phải tự trình bày ý kiến trong một bài viết để giải quyết vấn đề nêu ra. Đây là hình thức trắc nghiệm thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá cách diễn đạt và khả năng tư duy, năng lực giải quyết vấn đề của HS. Đồng thời, việc sử dụng phương pháp tự luận giúp cho GV có thể đánh giá được các mức độ nhận thức của HS như: biết, hiểu, vận dụng. Tuy vậy, tính khách quan của phương pháp này có thể bị hạn chế.

Một số hình thức trắc nghiệm cơ bản thường được sử dụng trong đánh giá kết quả học tập là:

+ Trắc nghiệm đúng – sai

Ví dụ: Điền chữ Đ (đúng) hoặc S (sai) cho những thông tin dưới đây về biển, đảo Việt Nam:

Thông tin	Đúng (Đ)	Sai (S)
Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông, có diện tích khoảng 1 triệu km ² .		
Huyện đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.		
Các chúa Nguyễn lập đội Hoàng Sa nhằm ngăn chặn tàu thuyền các nước qua lại.		
Quá trình xác lập và thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa ở nước ta diễn ra từ lâu và liên tục.		

+ Trắc nghiệm điền khuyết

Ví dụ: Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành đoạn thông tin về Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.

An Dương Vương Hùng Vương 15 bộ Phong Châu Cổ Loa

Nhà nước Văn Lang chia thành (1)....., đứng đầu là (2)..... Kinh đô đặt ở (3)..... (Phú Thọ).
Đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là (4)....., kinh đô đóng ở (5)..... (Đông Anh, Hà Nội).

+ Trắc nghiệm ghép đôi

Ví dụ: Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về các đền tháp Chăm ở Việt Nam.

A	B
Thánh địa Mỹ Sơn	Khánh Hoà
Tháp Bánh Ít	Quảng Nam
Tháp Bà Pô Na-ga	Ninh Thuận
Tháp Nhạn	Bình Định
Tháp Pô Klong Ga-rai	Phú Yên

+ Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Ví dụ: Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1. Hy Lạp thuộc châu lục nào?

- A. Châu Á. B. Châu Âu. C. Châu Phi. D. Châu Mỹ.

2. Công trình kiến trúc nào sau đây không phải của Hy Lạp?

- A. Đền Pác-tê-nông. B. Đền thờ thần Dớt.
C. Đền thờ thần A-pô-lô. D. Quảng trường Cô-li-dê.

3. Đền Pác-tê-nông của Hy Lạp được xây dựng vào thời gian nào?

- A. Thế kỉ IV TCN. B. Thế kỉ IV.
C. Thế kỉ V TCN. D. Thế kỉ VI TCN.

4. Tác phẩm điêu khắc nào không phải của văn minh Hy Lạp?

- A. Tượng thần Dớt. B. Tượng Phật.
C. Tượng lực sĩ ném đĩa. D. Tượng thần Vệ nữ Mi-lô.

5. Lễ hội Thể thao Ô-lim-píc có nguồn gốc từ quốc gia nào?

- A. Ai Cập. B. Trung Quốc. C. La Mã. D. Hy Lạp.

2.3.3.2. Quan sát các hoạt động học tập trên lớp

Các hoạt động học tập trên lớp bao gồm các hoạt động như: thực hiện các nhiệm vụ do GV giao cho cá nhân, cặp hay nhóm; tham gia xây dựng bài, trả lời các câu hỏi của GV,...

Khi quan sát các hoạt động của HS, GV có thể đánh giá được:

- Mức độ nắm vững kiến thức của HS.
- Kỹ năng, đồng thời cũng là năng lực tìm hiểu lịch sử, địa lí (khai thác thông tin từ bài viết, sử dụng các công cụ của lịch sử, địa lí học như bản đồ, trục thời gian, tranh ảnh, biểu đồ, các bảng số liệu,...).
- Năng lực tự chủ và tự học của HS (khi HS hoạt động độc lập, cặp đôi hoặc nhóm).
- Năng lực giao tiếp và hợp tác (khi HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm).

2.3.3.3. Bảng kiểm

Bảng kiểm là một danh sách ghi lại các tiêu chí (về các hành vi, các đặc điểm,... mong đợi) có được biểu hiện hoặc được thực hiện hay không.

Bảng kiểm được sử dụng để đánh giá các hành vi hoặc các sản phẩm mà HS thực hiện. Với một danh sách các tiêu chí đã xây dựng sẵn, GV sẽ sử dụng bảng kiểm để quyết định xem những hành vi hoặc những đặc điểm của sản phẩm mà HS thực hiện có khớp với từng tiêu chí có trong bảng kiểm không.

Cách xây dựng và sử dụng: GV có thể tiến hành thiết kế bảng kiểm dùng để đánh giá HS theo những bước sau:

– Phân tích yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề và xác định các kiến thức, kĩ năng HS cần đạt được.

– Phân chia quá trình thực hiện nhiệm vụ hoặc sản phẩm của HS thành những yếu tố cấu thành và xác định những hành vi, đặc điểm mong đợi căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở trên.

– Trình bày các hành vi, đặc điểm mong đợi đó theo một trình tự để theo dõi và kiểm tra.

Ví dụ: để đánh giá kĩ năng khai thác lược đồ trong bài 21: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), phần luyện tập, GV có thể sử dụng bảng kiểm như sau:

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ XÁC ĐỊNH CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CỦA ASEAN TRÊN LƯỢC ĐỒ

STT	Nội dung	Có/không
1	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Việt Nam trên lược đồ (có thể xác định bằng cách chỉ vào một vị trí ở giữa của quốc gia (hoặc thủ đô) hoặc di thước theo biên giới lãnh thổ của quốc gia)	
2	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Thái Lan trên lược đồ	
3	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Lào trên lược đồ	
4	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Cam-pu-chia trên lược đồ	
5	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Mi-an-ma trên lược đồ	
6	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Ma-lai-xi-a trên lược đồ	
7	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Xin-ga-po trên lược đồ	
8	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Phi-líp-pin trên lược đồ	
9	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Bru-nây trên lược đồ	
10	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của In-đô-nê-xi-a trên lược đồ	

2.3.3.4. Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics)

Rubrics là một bản mô tả cụ thể các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được của từng tiêu chí đó về quá trình hoạt động hoặc sản phẩm học tập của HS.

Như vậy, rubric bao gồm hai yếu tố cơ bản: các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được của từng tiêu chí, trong đó các mức độ thường được thể hiện dưới dạng thang mô tả hoặc kết hợp giữa thang số và thang mô tả để mô tả một cách chi tiết các mức độ thực hiện nhiệm vụ của người học.

Các tiêu chí đánh giá cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Thể hiện đúng trọng tâm những khía cạnh quan trọng của hoạt động/sản phẩm cần đánh giá.
- Mỗi tiêu chí phải đảm bảo tính riêng biệt, đặc trưng cho một dấu hiệu nào đó của hoạt động/sản phẩm cần đánh giá.
- Tiêu chí đưa ra phải quan sát và đánh giá được.

Cấu trúc chung của Rubrics là

Mức độ Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Tiêu chí 1					
Tiêu chí 2					
Tiêu chí 3					
.....					

Căn cứ vào các yếu tố cấu thành rubrics, việc xây dựng rubrics bao gồm hai nội dung là xây dựng tiêu chí đánh giá và xây dựng các mức độ đạt được của các tiêu chí đó.

Về xây dựng tiêu chí đánh giá

- Phân tích yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề, môn học và xác định các kiến thức, kĩ năng mong đợi ở HS và thể hiện những kiến thức, kĩ năng mong đợi này vào các nhiệm vụ/bài tập đánh giá mà GV xây dựng.
- Xác định rõ các nhiệm vụ/bài tập đánh giá đã xây dựng là đánh giá hoạt động, sản phẩm hay đánh giá cả quá trình hoạt động và sản phẩm.
- Phân tích, cụ thể hoá các sản phẩm hay các hoạt động đó thành những yếu tố, đặc điểm hay hành vi sao cho thể hiện được đặc trưng của sản phẩm hay quá trình đó. Đó là những yếu tố, những đặc điểm quan trọng, cần thiết quyết định sự thành công trong việc thực hiện hoạt động/sản phẩm. Đồng thời căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề, môn học để từ đó xác định tiêu chí đánh giá. Sau khi thực hiện việc này ta sẽ có một danh sách các tiêu chí ban đầu.
- Chỉnh sửa, hoàn thiện các tiêu chí

Ví dụ, khi GV đánh giá sản phẩm học tập là sơ đồ tư duy của HS, GV có thể sử dụng phiếu đánh giá theo tiêu chí sau:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HỌC TẬP CỦA HS

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Cấu trúc nội dung rõ ràng	1
		Chính xác và đầy đủ kiến thức	4
		Có hình ảnh minh họa (vẽ)	1
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	2
		Sử dụng màu sắc khác nhau cho các nội dung	2

Ngoài các công cụ trên, trong kiểm tra đánh giá còn sử dụng các công cụ khác như thang đo, hồ sơ học tập,...

Nhìn chung, để có thể đánh giá được hiệu quả phẩm chất, năng lực HS trong môn Lịch sử và Địa lí, GV cần sử dụng linh hoạt, đa dạng các hình thức, phương pháp và các công cụ kiểm tra đánh giá.

Tóm lại:

- Việc đánh giá kiến thức, kĩ năng của HS chủ yếu qua các bài kiểm tra và thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học. Còn đánh giá năng lực có thể qua nhiều hình thức đánh giá khác nhau và được đánh giá ở mọi thời điểm trong quá trình dạy học (ĐGTX).

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS sẽ được kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số, tức là kiểm tra, ĐGTX và ĐGĐK.

2.4. Giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục

2.4.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng Sách giáo viên

2.4.1.1. Cấu trúc Sách giáo viên

SGV được biên soạn gồm hai phần:

- Phần một. Hướng dẫn chung: Phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản như: giới thiệu chương trình môn Lịch sử và Địa lí; đặc điểm môn học, mục tiêu môn học; quan điểm biên soạn; những đổi mới về nội dung, phương pháp, hoạt động tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập SGK Lịch sử và Địa lí 5.

- Phần hai. Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể: Những nội dung hướng dẫn bám sát cấu trúc từng chủ đề, bài học của SGK Lịch sử và Địa lí 5, giúp GV thực hiện các hoạt động dạy trên lớp một cách linh động và hiệu quả, giúp HS hiểu và tự mình thực hiện được các sản phẩm học tập sau mỗi bài học, giờ học. Với những định hướng và hướng dẫn cụ thể, các nội dung của cuốn sách này thuận tiện cho GV trong việc tổ chức, kiểm soát tiết học đối với từng HS, góp phần hoàn thành mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo CTGDPT mới môn Lịch sử và Địa lí 5.

2.4.1.2. Hướng dẫn sử dụng Sách giáo viên

Trước hết, GV cần đọc kĩ phần một để nắm được khái quát mục tiêu và nội dung của chương trình Lịch sử và Địa lí lớp 5. Phần này cũng gợi ý một số phương pháp, kĩ thuật dạy học có khả năng phát triển năng lực của HS và một số vấn đề về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS để GV tham khảo trong quá trình giảng dạy.

Phần hướng dẫn giảng dạy các bài cụ thể bao gồm 28 bài tương ứng với 28 bài học trong SGK. Mỗi bài được thiết kế bao gồm nhiều hoạt động của GV và HS, nhằm tạo điều kiện để GV tổ chức các hoạt động học tập của HS, đồng thời HS cũng có thể tự lực khai thác và lĩnh hội thông tin. Trong mỗi bài, ngoài phần mở đầu, phần luyện tập và vận dụng, mỗi hoạt động trong phần hình thành kiến thức mới tương ứng với một đơn vị kiến thức trong SGK.

Kế hoạch bài học trong SGK chỉ mang tính chất gợi ý, GV có thể vận dụng sáng tạo các kế hoạch bài học trong SGK cho phù hợp với đối tượng HS và với điều kiện dạy học của nhà trường. Một số lưu ý khi vận dụng các kế hoạch bài học trong SGK:

- Do SGK trình bày các nội dung khá ngắn gọn, vì vậy với mỗi bài học, GV có thể sử dụng một số thông tin bổ sung (Mục IV. Tài liệu tham khảo) nhằm làm rõ thêm biểu tượng, khái niệm lịch sử, địa lí hoặc khắc sâu, mở rộng kiến thức cho HS. Tuy vậy, những thông tin lựa chọn đưa vào bài dạy phải cần thiết và phù hợp với từng nội dung, tránh làm quá tải bài dạy và giờ học thêm nặng nề.

- Hình thức tổ chức hoạt động dạy học cần phù hợp với điều kiện và không gian của lớp học; khi tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi hoặc theo nhóm nhỏ, GV cần lưu ý dành thời gian cho HS suy nghĩ và làm việc cá nhân trước khi trao đổi cặp đôi hoặc thảo luận nhóm.

- Thời gian dành cho mỗi hoạt động ít hay nhiều tùy thuộc vào trình độ nhận thức của HS.

- Sản phẩm là những kiến thức cơ bản mà HS cần có được sau mỗi hoạt động. Tuy vậy, sau mỗi hoạt động, HS không thể nêu đầy đủ và chính xác những kiến thức như SGK, nên cần phải có sự uốn nắn, bổ sung và hoàn thiện kiến thức của GV sau khi HS báo cáo kết quả làm việc.

2.4.2. Giới thiệu, hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học

Trong bối cảnh việc ứng dụng CNTT trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 – 11 – 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 – 6 – 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 – 01 – 2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai

đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, NXBGDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng sau: Thứ nhất, nền tảng sách điện tử – *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát Chương trình, SGK mới, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Song hành cùng *Hành trang số*, nền tảng tập huấn GV trực tuyến – Tập huấn hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu Tập huấn, bổ trợ và hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm trong năm học. Các tài liệu chính thống được cung cấp từ NXBGDVN xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục và GV sử dụng bộ SGK. NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:

** Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi mới*

Trong năm 2024, NXBGDVN thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo CTGDPT 2018. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* trong năm 2024 khoảng hơn 4 000 học liệu, đầy đủ các lớp từ lớp 1 đến lớp 12 theo Chương trình SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời.

** Đảm bảo cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên sách dễ dàng, có tính ứng dụng cao.*

Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

Đối với nền tảng Tập huấn GV trực tuyến, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng “Trải nghiệm ngay” để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Các tài liệu có thể xem trực tiếp trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích học tập.

** Hỗ trợ thường xuyên trong năm học*

Nhằm hỗ trợ tối đa các cán bộ quản lý, GV và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai đường

dây hỗ trợ – 19004503 (hoạt động 08:00-17:00 và từ thứ Hai đến thứ Sáu). Các câu hỏi liên quan tới hai nền tảng trên có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi, người dùng có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

2.4.2.1. Giới thiệu về Hành trang số

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo CTGDPT 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy, học tập của GV và HS. *Hành trang số* bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử; Luyện tập; Thư viện.

– Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.

– Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và sách bổ trợ của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, gợi ý – hướng dẫn bài tập, bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, sách bổ trợ, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập tự kiểm tra, đánh giá bám sát Chương trình, SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.

– Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ Chương trình, SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục của SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

2.4.2.2. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn với đa dạng nội dung và

định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: sở giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho các phòng giáo dục và đào tạo; phòng giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả việc triển khai tập huấn tại địa phương.

– Đối với tài khoản GV: Tính năng “Tập huấn” cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn với các định dạng: PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy, cô giáo truy cập bất kì thời điểm trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

– Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, nhà trường): Tính năng “Tài liệu bổ sung” cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng “Thống kê” cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

2.4.2.3. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của 4 bộ SGK lớp 1 với đa dạng định dạng và nội dung như: video tiết học minh hoạ; tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word); hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học; bài kiểm tra, đánh giá; video lớp học trực tuyến;... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm trong năm học. Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22 – 4 – 2016 quy định: “Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra, đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm hai loại: (1) Tương tác một chiều: Học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,..., hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...”.

– Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 4 – 2024, NXBGDVN đã đăng tải hơn (...) học liệu điện tử đối với 2 bộ SGK lớp 5, 9, 12; tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* là hơn 5 000 học liệu; với định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK.

– Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 25 000 bài tập tương tác theo Chương trình lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5, lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9, lớp 10, lớp 11, lớp 12, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: trắc nghiệm 1 đáp án đúng, trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, chọn đúng – sai, điền câu trả lời vào ô trống, điền từ vào chỗ trống, nối hình, select box, tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý của mỗi bộ sách, tham vấn sách GV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

2.4.2.4. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên và học liệu điện tử thiết bị dạy học trong các hoạt động dạy học

Các thầy, cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

– Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bổ trợ, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng “Luyện tập”. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

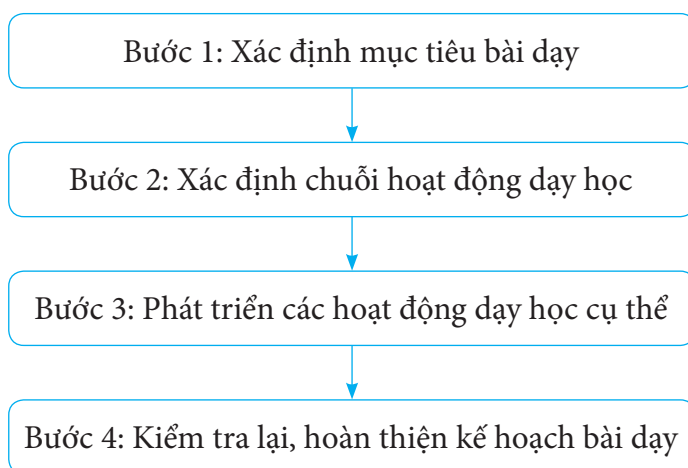
– Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGV.

– Ngoài ra các thầy, cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm

các công cụ như: luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu hỗ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, các thầy, cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

3 HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

3.1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy (giáo án)



Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy môn Lịch sử và Địa lí 5

3.1.1. Xác định mục tiêu bài dạy

GV xác định mục tiêu bài dạy dựa trên yêu cầu cần đạt trong CTGDPT môn Lịch sử và Địa lí. Căn cứ vào đặc điểm nhận thức, năng lực của HS mà GV có thể nâng hoặc thêm yêu cầu cần đạt ở mức độ cao hơn.

Trên cơ sở các YCCĐ, GV xác định các năng lực mà bài học góp phần phát triển cho HS, gồm các năng lực lịch sử, địa lí và các năng lực chung. Để xác định các năng lực lịch sử, địa lí, GV đối chiếu YCCĐ với các biểu hiện của năng lực đặc thù được mô tả trong CTGDPT môn Lịch sử và Địa lí, để xác định các năng lực chung, GV đối chiếu với biểu hiện của các năng lực chung trong chương trình tổng thể.

Đối với mục tiêu phẩm chất: GV căn cứ vào YCCĐ, đối chiếu với biểu hiện của các phẩm chất trong CTGDPT tổng thể. Phẩm chất cần phát triển phải gắn với nội dung bài học và được viết cụ thể, rõ ràng.

3.1.2. Xác định chuỗi các hoạt động dạy học

GV xác định chuỗi các hoạt động dạy học thực chất là các hoạt động học của HS. Cụ thể:

- Đưa ra tiến trình dạy học theo chuỗi các hoạt động một cách logic:
- + Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu: Tạo hứng thú học tập cho HS, giúp HS có nhu cầu và ý thức tìm tòi, khám phá các nội dung bài học. GV có thể khởi động bằng trò chơi/tình huống thực tiễn/nhắc lại một kinh nghiệm thực tế/câu hỏi có vấn đề,...
- + Hình thành kiến thức: Trong một bài dạy có thể có một hoặc nhiều nội dung kiến thức mới, do đó hoạt động này có thể chia thành nhiều hoạt động nhỏ hơn. GV tổ chức các hoạt động học tập, khám phá cho HS như giải quyết tình huống, giải quyết vấn đề, làm dự án, báo cáo, thảo luận,... để hình thành được kiến thức mới.
- + Luyện tập: Giúp HS củng cố các kiến thức đã học trong bài và rèn luyện kỹ năng.
- + Vận dụng: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề phức tạp hơn. Hoạt động này giúp HS nhanh hoàn thiện các thành tố phẩm chất và năng lực đã hình thành trong quá trình học.

3.1.3. Phát triển các hoạt động dạy học cụ thể

Dựa trên chuỗi các hoạt động dạy học đã xác định, GV phát triển thành các hoạt động dạy học cụ thể. GV cần lưu ý đảm bảo mục tiêu các hoạt động cụ thể phải góp phần thực hiện mục tiêu chung của bài dạy. Quá trình này GV cần bám sát các bước của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng. Mỗi hoạt động dạy học sẽ được tiến hành theo 4 bước:

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện. Nhiệm vụ có thể là câu hỏi, nhiệm vụ học tập, tình huống,... có tác dụng kích thích HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã có để thực hiện các thao tác tư duy và các hành động học tập cụ thể, từ đó tạo ra kết quả.
- Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Nêu cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện theo cá nhân, theo nhóm hoặc cả lớp; các hành động cụ thể mà HS phải tiến hành: trao đổi, thảo luận, tìm hiểu thông tin, phân tích, liệt kê, vẽ sơ đồ,... GV cần dự kiến những hỗ trợ, gợi ý, định hướng cho HS, có thể hướng dẫn cách thức thực hiện, giải quyết các khó khăn nảy sinh.
- Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể cách thức tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm, như: lựa chọn các nhóm HS báo cáo, yêu cầu cách thức HS báo cáo, các HS khác nhận xét, góp ý,... GV cần dự kiến tiến trình thảo luận, bao gồm những câu hỏi phân tích, làm rõ, phát triển kết quả thực hiện nhiệm vụ. Những vấn đề/câu hỏi thảo luận giúp GV có được “thông tin ngược” về việc HS hiểu hay không hiểu rõ vấn đề học tập, là con đường đưa đến sản phẩm và cũng là cách thức để mở rộng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho HS (nếu có).
- Kết luận, nhận định: GV căn cứ vào sản phẩm cần hoàn thành theo dự kiến (các ý trả lời, nội dung, hình thức báo cáo, kết quả thảo luận,...) để đánh giá kết quả thực

hiện nhiệm vụ của HS. GV cần ghi rõ nội dung kết luận, như là những kiến thức/kĩ năng chuẩn hoá cho HS sau mỗi hoạt động học tập. GV cũng cần có những đánh giá về kết quả thực hiện hoạt động và thái độ, kĩ năng, thao tác tư duy,... trong quá trình HS làm việc và báo cáo. Những đánh giá này phải theo hướng HS thay đổi được để tiến bộ hơn, từ đó hình thành phẩm chất và năng lực cho HS.

3.1.4. Kiểm tra lại, hoàn thiện kế hoạch bài dạy

Sau khi phát triển các hoạt động dạy học, GV tiến hành xem xét lại tất cả các phần để hoàn thiện kế hoạch bài dạy. Chẳng hạn, GV xem xét lại sự phù hợp giữa các mục tiêu và chuỗi các hoạt động dạy học, sự phù hợp giữa các PPDH, phương tiện dạy học trong từng hoạt động, sự phù hợp của các phương án đánh giá, phân bổ thời gian cho các hoạt động, sự liên kết giữa các hoạt động trong kế hoạch dạy học, sự đa dạng của các hoạt động và phương án dự phòng trong những trường hợp cần thiết.

3.2. Bài soạn minh hoạ

3.2.1. Hướng dẫn dạy các bài lí thuyết

Dạng bài lí thuyết trong dạy học Lịch sử và Địa lí là dạng bài tổ chức các hoạt động nhận thức cho HS để hiểu biết các sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí; các quy luật và mối quan hệ của chúng. Dạng bài lí thuyết là dạng bài quan trọng và chiếm số lượng lớn trong các bài học Lịch sử và Địa lí. Để tổ chức hiệu quả các tiết học hình thành kiến thức mới, GV cần quan tâm một số vấn đề như sau:

- Một là: GV cần phải xác định rõ yêu cầu cần đạt của bài học, phần này được SGK *Lịch sử và Địa lí 5* thể hiện ở đầu mỗi bài học. Từ yêu cầu cần đạt của bài học, GV cần xác định được những phẩm chất và năng lực phát triển thông qua bài học đó.

- Hai là: Xác định cụ thể nội dung các hoạt động nhận thức trong bài học.

Từ mục tiêu của bài học đã xác định, GV cần phải xác định nên tổ chức những hoạt động nào để đạt được mục tiêu đó. Trong mỗi bài lí thuyết thường có bốn phần: khởi động, khám phá, luyện tập và vận dụng. Vì vậy, khi dạy các bài lí thuyết, GV cần hướng dẫn HS tiến hành lần lượt các hoạt động, thông qua các hoạt động này mà HS vừa lĩnh hội được kiến thức, vừa rèn luyện được kĩ năng.

- + Khởi động: Mục tiêu của hoạt động này nhằm tạo điều kiện để HS chia sẻ những hiểu biết, kinh nghiệm của HS về những vấn đề có liên quan đến nội dung bài học, đồng thời cũng tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài học mới.

Với hoạt động này, GV nên tổ chức cho HS hoạt động cả lớp và kĩ thuật dạy học thường được sử dụng là kĩ thuật động não (công não) để có thể huy động được nhiều ý kiến của HS.

Cách tiến hành: GV đưa ra câu hỏi, một vấn đề hoặc một số hình ảnh có liên quan đến nội dung bài học và yêu cầu HS suy nghĩ, đưa ra câu trả lời. GV nên động viên, khuyến khích để HS đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau. GV ghi tóm tắt các câu trả lời của HS lên bảng và kết nối những kiến thức HS đã có trong khi dạy bài mới.

GV có thể sử dụng phần khởi động trong SGK hoặc có cách khởi động khác, song các câu hỏi hoặc vấn đề nêu ra cho HS suy nghĩ cần phải gắn gũi với nội dung bài học.

+ Khám phá: Nhằm hình thành kiến thức mới cho HS thông qua các hoạt động học tập của HS. GV tổ chức cho HS khai thác kiến thức từ kênh chữ và kênh hình, tùy thuộc vào nội dung cần tìm hiểu khó hay dễ, đơn giản hay phức tạp mà GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, cặp đôi hay theo nhóm.

Căn cứ vào các câu hỏi trong mỗi phần, GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc. Với những nội dung phức tạp, GV cần gợi ý để HS có thể hoàn thành nhiệm vụ.

Các bước thường tiến hành khi hình thành kiến thức mới:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/cặp đôi/nhóm và giao nhiệm vụ cho HS như đọc thông tin, quan sát hình và trả lời các câu hỏi hay hoàn thành phiếu học tập,...

- HS làm việc cá nhân/cặp đôi/nhóm.

- HS trình bày kết quả làm việc.

- GV tóm tắt và nhận xét sản phẩm học tập của HS. Sau đó GV chốt kiến thức.

GV nên tham khảo thêm thông tin ở mục Em có biết để khắc sâu, mở rộng kiến thức cho HS hoặc làm phong phú thêm nội dung bài dạy.

+ Luyện tập: Phần này bản chất là củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho HS, HS cần phải trả lời các câu hỏi, hoàn thành bài tập ngay trên lớp, qua đó GV cũng biết được mức độ nắm vững kiến thức và kỹ năng của HS sau bài học.

Với những câu hỏi, bài tập khó, GV có thể cho HS làm việc theo cặp hay nhóm. Trong khi HS làm việc, GV cần quan sát để kịp thời giúp đỡ HS khi có vướng mắc.

Sau khi HS làm việc, GV yêu cầu HS/cặp hoặc đại diện các nhóm báo cáo.

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

Nhằm tăng tính hấp dẫn của hoạt động luyện tập, GV có thể căn cứ vào các câu hỏi lý thuyết trong SGK và chuyển các câu tự luận thành các câu trắc nghiệm khách quan hoặc các trò chơi, song cần đảm bảo nội dung của phần luyện tập.

+ Vận dụng: Hoạt động này GV giao cho HS làm việc tại nhà. Căn cứ vào yêu cầu vận dụng cụ thể, GV có thể cho HS hoạt động cá nhân, theo cặp hay nhóm cho phù hợp. GV nên gợi ý cho HS các nguồn để thu thập thông tin, nội dung báo cáo (bài viết, hình ảnh,...). Sau đó, GV tổ chức cho HS báo cáo vào các giờ học tiếp theo. GV nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động của HS.

3.2.2. Hướng dẫn dạy các bài ôn tập

Trong môn Lịch sử và Địa lý lớp 5, bài ôn tập xuất hiện sau hơn hai chủ đề dạy học và thường ở thời điểm kiểm tra giữa kì và cuối kì. Với vị trí như vậy trong tiến trình dạy học, bài ôn tập có vai trò rất quan trọng. Một mặt, các bài ôn tập với nhiệm vụ giúp HS hệ thống hoá kiến thức đã học, thông qua đó giúp các em củng cố lại kiến thức và sắp

xếp chúng một cách logic và hợp lí nhất. Bên cạnh đó, các bài ôn tập cũng giúp khắc sâu kiến thức và có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một tình huống học tập có tính phức hợp hoặc những tình huống ngoài thực tiễn cuộc sống.

Khi dạy bài một bài ôn tập đòi hỏi GV phải có sự chuẩn bị công phu, có kiến thức vững vàng, kĩ năng phân tích, tổng hợp nhuần nhuyễn, biết lựa chọn nội dung, PPDH phù hợp. Đối với HS, để có một bài ôn tập hiệu quả cũng đòi hỏi phải có sự chuẩn bị đầy đủ những nội dung ôn tập trước khi đến lớp. Dưới đây là một số biện pháp để tổ chức dạy học bài ôn tập đạt hiệu quả nhằm phát triển năng lực của HS.

– Một là: GV đa dạng các dạng câu hỏi cả trắc nghiệm và tự luận, tăng cường các dạng câu hỏi mở, các bài tập nhận thức gắn với những tình huống thực tiễn.

– Hai là: Đa dạng các hình thức và PPDH.

Trước đây, nhiều quan niệm cho rằng bài ôn tập là bài tổng kết lại các kiến thức và kĩ năng đã học từ các bài học hoặc chủ đề đã học trước đó, do vậy GV thường chỉ tổ chức dạy bài ôn tập bằng phương pháp vấn đáp, thuyết trình hay giảng giải là chính, những phương pháp hoạt động nhóm hay dự án,... ít khi được sử dụng do mất thời gian. Tuy nhiên, với mục tiêu phát triển năng lực của người học, việc sử dụng nghèo nàn các phương pháp và đơn điệu các HTTC DH sẽ khiến cho những bài ôn tập không đạt hiệu quả cao. Chính vì vậy, các hoạt động học tập trong bài ôn tập cũng cần phải đa dạng các phương pháp cũng như các HTTC DH.

3.2.3. Ví dụ bài soạn minh họa

3.2.3.1. Ví dụ minh họa nội dung Lịch sử

Bài 9 TRIỀU LÝ VÀ VIỆC ĐỊNH ĐÔ Ở THĂNG LONG

I MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp HS:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử, như: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,...
- Đọc và nêu nhận xét về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.
- Hình thành và phát triển các năng lực:
 - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý; trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý.

- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nhận xét về nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*, đánh giá đóng góp của nhân vật lịch sử của Triều Lý đối với lịch sử dân tộc,...
- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc; có trách nhiệm thông qua việc giữ gìn, phát huy những di sản của thời Lý.

II CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Tranh ảnh, câu chuyện và tư liệu viết liên quan đến các nhân vật thời nhà Lý: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,...
- Văn bản, tác phẩm *Chiếu dời đô*.

2. Học sinh

- SGK.
- Câu chuyện liên quan liên quan đến các nhân vật thời nhà Lý: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỗ Lan, Từ Đạo Hạnh,...
- Đồ dùng học tập.

III GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Cách 1: GV giới thiệu hình ảnh Chùa Một Cột (Hà Nội) – công trình kiến trúc tiêu biểu được khởi dựng dưới Triều Lý để dẫn dắt vào bài học.
- Cách 2: GV có thể sử dụng hình ảnh khu di tích Đền Đô (Bắc Ninh) hoặc hình ảnh một nhân vật lịch sử thời Lý để dẫn dắt vào bài.

Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức khởi động theo ý tưởng sáng tạo của mình và phù hợp với đối tượng HS.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu việc định đô ở Thăng Long của Triều Lý*

a) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- **Tư liệu** được trích trong *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn nói về mục đích của việc dời đô và miêu tả về thế địa linh nhân kiệt của thành Đại La: ở giữa khu vực đất trời, chính giữa nam bắc, đông tây; rộng, bằng phẳng, cao, sáng sủa. Đây là cơ sở để Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La (Hà Nội).
- **Hình 2.** *Bản Chiếu dời đô trên bức bình phong tại Đền Đô (Bắc Ninh)* cao 3,5 m, rộng hơn 8 m, được ghép lại từ 214 chữ Hán làm bằng gỗ Bát Tràng. Bức cuốn thư *Chiếu dời đô* ở Đền Đô được coi là bức chiếu bằng gỗ lớn nhất Việt Nam. Phần chính của bức cuốn thư là “Thiên đô chiếu” (*Chiếu dời đô*) do vua Lý Thái Tổ viết năm 1010 về việc chuyển kinh đô của nước Đại Cồ Việt từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La (Hà Nội).

- **Hình 3.** *Tượng đài vua Lý Thái Tổ (Hà Nội)* được đặt tại vườn hoa Lý Thái Tổ, đường Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tượng đài được khởi công xây dựng và khánh thành trong năm 2004. Đây là bức tượng bằng đồng nguyên chất, đúc liền khối, nặng 34 tấn, cao 10,10 m. Tượng đài khắc hoạ hình tượng người có công khởi lập và tạo dựng nên mảnh đất ngàn năm văn hiến – vua Lý Thái Tổ, đầu đội mũ bình thiên, tay phải cầm *Chiếu dời đô*, tay trái chỉ xuống nơi định đô. Tượng được đặt trên đài hình bát giác (tượng trưng cho tám hướng), phần trên đài cách điệu hình bốn cổng thành Hà Nội, phần bệ gồm ba bậc thềm tượng trưng cho thiên thời – địa lợi – nhân hoà, những yếu tố làm cơ sở để vua Lý Thái Tổ đặt niên hiệu Thuận Thiên.

b) Gợi ý cách tổ chức hoạt động dạy học

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu:
 - + *Nêu nội dung chính và ý nghĩa của Chiếu dời đô.*
 - + *Cho biết những đóng góp của vua Lý Thái Tổ đối với dân tộc.*
- GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). GV khuyến khích HS kể lại câu chuyện về vị vua sáng lập Triều Lý và nêu đóng góp của ông đối với dân tộc.
- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại nội dung:
 - + Nội dung của *Chiếu dời đô*: nêu lên lí do, mục đích của việc dời đô; điều kiện tự nhiên của thành Đại La để thấy đó thực sự là nơi “thượng đô kinh sư mãi muôn đời”. *Chiếu dời đô* thể hiện tầm nhìn sáng suốt của vua Lý Thái Tổ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.
 - + Công lao của vua Lý Thái Tổ: sáng lập ra Triều Lý, dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La (Hà Nội), mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

Yêu cầu cần đạt: HS đọc và nêu nhận xét về nội dung, ý nghĩa của *Chiếu dời đô*, đánh giá được công lao của vua Lý Công Uẩn đối với dân tộc.

Hoạt động 2 Tìm hiểu công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của Triều Lý

a) Giới thiệu về kênh hình cần khai thác

- **Hình 4.** *Tượng đài Lý Thường Kiệt (Bắc Ninh):* Tượng được đúc bằng đồng nằm trong sân đền thờ Lý Thường Kiệt tại xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Địa danh này là một trong những nơi đã diễn ra các trận đánh quyết liệt nhất giữa các cánh quân của ta dưới sự chỉ đạo của Lý Thường Kiệt, góp phần tạo nên chiến thắng oanh liệt trước giặc Tống, đặt dấu mốc quan trọng cho thời kì thịnh trị, tự chủ của triều đình phong kiến sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc. Cũng chính tại nơi đây, để khích lệ tinh thần chiến sĩ đánh giặc, Lý Thường Kiệt đã cho người xướng lên bài thơ thần *Nam quốc sơn hà*, như là bản “Tuyên ngôn Độc lập” đầu tiên của dân tộc.

b) Gợi ý cách tổ chức hoạt động dạy học

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, thảo luận về một số việc làm của Triều Lý nhằm xây dựng và bảo vệ đất nước.
 - + GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).
 - + GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại nội dung: Một số việc làm của Triều Lý nhằm xây dựng vào bảo vệ đất nước:
 - Hoàn thiện bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương.
 - Chú trọng phát triển kinh tế, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, nhờ đó mùa màng bội thu.
 - Phật giáo phát triển.
 - Lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống quân Tống giành thắng lợi.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, kể chuyện về Nguyên phi Ỗ Lan hoặc Lý Thường Kiệt và nêu công lao của họ đối với đất nước.
 - + GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).
 - + GV nhận xét câu trả lời và chốt lại nội dung:
 - Công lao của Nguyên phi Ỗ Lan: giúp vua Lý Thánh Tông, vua Lý Nhân Tông trị nước.
 - Công lao của Lý Thường Kiệt: lãnh đạo quân dân ta kháng chiến chống quân Tống giành thắng lợi.

3. Luyện tập

Câu 1. GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý. GV khuyến khích HS hoặc nhóm HS sử dụng các dạng sơ đồ khác nhau để thể hiện nội dung theo yêu cầu bài tập.

Câu 2. GV hướng dẫn HS dựa vào các câu chuyện trong SGK hoặc câu chuyện sưu tầm được, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: *Kể chuyện về một nhân vật lịch sử thời Lý mà em yêu thích.*

4. Vận dụng

GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà sưu tầm tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...) về một di tích hoặc nhân vật lịch sử thời nhà Lý và chia sẻ với bạn.

Gợi ý: Một số di tích thời Lý như: chùa Một Cột, Đền Đò, đền thờ Nguyên phi Ỗ Lan, đền thờ Lý Thường Kiệt,... về một số nhân vật lịch sử như: Vua Lý Thái Tổ, vua Lý Nhân Tông, Từ Đạo Hạnh,...

Bài 23 DÂN SỐ VÀ CÁC CHỦNG TỘC CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI

I MỤC TIÊU

Sau bài học, giúp HS:

- Sử dụng bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.
- Phát triển được năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua việc nêu và mô tả những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Phát triển được năng lực tìm hiểu Địa lí thông qua việc khai thác bảng số liệu để so sánh, nhận xét số dân của các châu lục; sử dụng lược đồ để trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới.
- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái (yêu quý mọi người, tôn trọng sự khác biệt); chăm chỉ và trách nhiệm.

II CHUẨN BỊ

- Lược đồ phân bố các chủng tộc chính trên thế giới.
- Hình ảnh về các chủng tộc chính trên thế giới.
- Hình ảnh, câu chuyện thể hiện những hành động đẹp về sự tôn trọng sự khác biệt giữa các chủng tộc.
- Phiếu học tập.

III GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi: *Trong bài hát “Thiếu nhi thế giới liên hoan”, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước có viết: “Vàng, đen, trắng, nước da không chia tấm lòng”. Theo em, câu hát trên thể hiện ý nghĩa gì?*
- HS dựa vào hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.
- GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến (nếu có).

- HS không nhất thiết phải trả lời đúng, GV có thể chuẩn kiến thức trong quá trình học bài mới. Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu về dân số thế giới*

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 1 kết hợp bảng số dân các châu lục năm 2021, làm việc theo cặp và thực hiện nhiệm vụ:
 - + *Cho biết châu lục có số dân nhiều nhất và châu lục có số dân ít nhất.*
 - + *Nêu nhận xét về số dân của các châu lục trên thế giới.*
- HS làm việc theo cặp, trong đó mỗi HS sẽ tự tìm hiểu câu trả lời trước, sau đó sẽ thảo luận cùng nhau để thống nhất ý kiến.
- GV tổ chức cho HS thảo luận cả lớp:
 - + GV gọi 1 cặp HS trả lời châu lục có số dân nhiều nhất và châu lục có số dân ít nhất; các HS khác lắng nghe, nhận xét.
 - + GV gọi 1 – 2 cặp HS nêu nhận xét về số dân của các châu lục trên thế giới.
- GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi và cả lớp, sau đó chuẩn kiến thức:
 - + Số dân thế giới ngày càng tăng; năm 2021, đạt gần 8 tỉ người.
 - + Số dân thế giới có sự khác nhau giữa các châu lục và các quốc gia.
 - Châu Á là châu lục đông dân nhất và chiếm hơn 50% số dân toàn thế giới.
 - Châu Đại Dương là châu lục có dân số ít nhất trên thế giới.

Hoạt động 2 *Tìm hiểu về các chủng tộc trên thế giới*

a) *Tìm hiểu về đặc điểm ngoại hình của các chủng tộc*

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 1, để thực hiện nhiệm vụ:
 - + *Kể tên các chủng tộc chính trên thế giới.*
 - + *Mô tả những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới (màu da, tóc, mắt,...).*
- GV tổ chức lớp học thành các nhóm (4 – 6 HS/nhóm). HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau: Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi, sau đó trao đổi với nhóm để thống nhất ý kiến.
- GV tổ chức cho cả lớp thảo luận:
 - + GV gọi 1 – 2 HS kể tên các chủng tộc chính trên thế giới, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

- + GV lần lượt gọi đại diện các nhóm trình bày về đặc điểm màu da, tóc, mắt, mũi của các chủng tộc trên thế giới.
- Ngoài ra, GV có thể thiết kế phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm hoàn thành phiếu. Gợi ý mẫu phiếu:

PHIẾU HỌC TẬP

- Trên thế giới có chủng tộc chính là:
- Các chủng tộc có đặc điểm ngoại hình (màu da, tóc, mắt, mũi...) khác nhau rõ nét.

Chủng tộc	Môn-gô-lô-it	Nê-grô-it	Ơ-rô-pê-ô-it	Ô-xtra-lô-it
Màu da				
Tóc				
Mắt				
Mũi				

- GV nhận xét hoạt động nhóm và thảo luận của cả lớp, sau đó chuẩn kiến thức:
 - + Có 4 chủng tộc chính trên thế giới: Môn-gô-lô-it, Nê-grô-it, Ơ-rô-pê-ô-it và Ô-xtra-lô-it.
 - + Các chủng tộc có đặc điểm ngoại hình (màu da, tóc, mắt, mũi...) khác nhau rõ nét.

Chủng tộc	Môn-gô-lô-it	Nê-grô-it	Ơ-rô-pê-ô-it	Ô-xtra-lô-it
Màu da	Vàng.	Đen hoặc nâu.	Trắng.	Nâu.
Tóc	Màu đen và thẳng.	Màu đen và xoắn.	Màu nâu, vàng và gợn sóng.	Màu đen và gợn sóng.
Mắt	Nhỏ, màu nâu đen.	To và màu đen.	To và màu nâu, xanh.	Màu đen.
Mũi	Thấp và cánh mũi rộng.	Thấp và cánh mũi rộng.	Cao và sống mũi thẳng.	Cánh mũi rộng và sống mũi gầy.

b) Tìm hiểu về sự phân bố của các chủng tộc

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 2, làm việc cá nhân để trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới.
- HS hoạt động cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi 1 – 2 HS lên bảng trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính với lược đồ; các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, sau đó chuẩn lại kiến thức:
 - + Chủng tộc Môn-gô-lô-it phân bố chủ yếu ở châu Á và châu Mỹ.
 - + Chủng tộc Nê-grô-it phân bố chủ yếu ở châu Phi.
 - + Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it phân bố chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương.
 - + Chủng tộc Ô-xtra-lô-it phân bố chủ yếu ở châu Đại Dương.
- GV nhấn mạnh cho HS: các chủng tộc sinh ra trên thế giới đều có quyền như nhau và hoàn toàn bình đẳng, do vậy mỗi người cần có ứng xử phù hợp để tôn trọng sự khác biệt.
- GV tổ chức cho HS đọc mục Em có biết để mở rộng kiến thức.
- *Lưu ý:* Ngoài việc tìm hiểu về các chủng tộc chính trên thế giới lần lượt theo từng mục, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một chủng tộc (về đặc điểm ngoại hình, phân bố). GV khuyến khích HS trình bày kết quả dưới nhiều hình thức: thuyết trình, báo tường, sơ đồ,...

3. Luyện tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ:
 - + *Dựa vào bảng số dân thế giới và các châu lục năm 2021, hãy sắp xếp số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.*
 - + *Hãy vẽ sơ đồ về đặc điểm ngoại hình và sự phân bố của bốn chủng tộc trên thế giới.*
- HS thực hiện nhiệm vụ vào vở.
- GV tổ chức cho HS thảo luận cả lớp:
 - + GV gọi 1 – 2 HS sắp xếp số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, các bạn HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu có).
 - + GV tổ chức cho HS trao đổi sơ đồ và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí: sự chính xác về nội dung, hình thức dễ nhìn và sáng tạo.
- GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của cả lớp, và rút kinh nghiệm (nếu có). Sau đó, GV chuẩn lại kiến thức:
 - + Số dân các châu lục trên thế giới sắp xếp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn: châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Âu, châu Đại Dương

+ Gợi ý sơ đồ:

Ô-XTRA-LÔ-IT

- Đặc điểm ngoại hình: da nâu; tóc đen và gọn sóng; mắt có màu đen; có cánh mũi rộng và sống mũi gãy.
- Phân bố: chủ yếu ở châu Đại Dương.

MÔN-GÔ-LÔ-IT

- Đặc điểm ngoại hình: da vàng; tóc đen và thẳng; mắt nhỏ và có màu nâu đen; mũi thấp và cánh mũi rộng.
- Phân bố: chủ yếu ở châu Á.

CÁC CHỦNG TỘC CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI

Ơ-RÔ-PÊ-Ô-IT

- Đặc điểm ngoại hình: da trắng; tóc nâu, vàng và gọn sóng; mắt to và có màu nâu, xanh; mũi cao và sống mũi thẳng.
- Phân bố: chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương.

NÊ-GRÔ-IT

- Đặc điểm ngoại hình: da đen hoặc nâu; tóc đen và xoăn; mắt to và có màu đen; mũi thấp và cánh mũi rộng.
- Phân bố: chủ yếu ở châu Phi.

4. Vận dụng

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Hãy viết một đoạn văn (5 – 7 câu) thể hiện suy nghĩ của em về việc tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.*
- GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ về đoạn văn của mình trước lớp vào đầu giờ học sau, các bạn khác lắng nghe và nhận xét.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN ĐÌNH PHIÊN – NGUYỄN THỊ HOÀI THU

Thiết kế sách: PHẠM NGỌC THÀNH

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 5**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm ...

Mã số ISBN: 978-604-0-.....